

PHAN HUY ĐÔNG

# CÁCH LÀM BÀI TẬP LÀM VĂN NGHỊ LUẬN

Dùng cho học sinh  
thi tốt nghiệp Phổ thông trung học và  
tuyển sinh Đại học - Cao đẳng



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

PHAN HUY ĐÔNG

CÁCH LÀM  
**BÀI TẬP LÀM VĂN**  
NGHỊ LUẬN

*(DÙNG CHO THI TỐT NGHIỆP THPT VÀ  
TUYỂN SINH ĐẠI HỌC - CAO ĐẲNG)*

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

## Lời nói đầu

---

Đây là sách viết cho học sinh phổ thông bình thường mà ít lâu nay người ta hay dùng chữ “đại trà” để chỉ đa số học sinh này. Trên thực tế, đa số học sinh say mê các môn khoa học tự nhiên hơn là môn xã hội ; lao vào học các môn Toán, Lý, hoá, mà lơ là coi nhẹ đối với môn Văn. Có khi chỉ vì chọn thi vào khối D có cả 3 môn là Văn, Toán, Ngoại ngữ nên số học sinh đó mới... nghĩ đến môn Văn mà mình phải... đầu trí để vượt qua. Và quả là đã có nhiều “con cá muốn vượt Vũ Môn” đã bị rớt vì môn Văn, phải ngậm ngùi thi lại năm sau.

Chỉ mong rằng quyển sách này sẽ là một trong những chìa khoá để mở các đề thi văn, để được các em học sinh yêu quý và sử dụng. Vì thế, tác giả sách cố gắng viết thật cụ thể, nêu cả phương thức thực hiện từng kiểu bài, không lý luận nhiều, đã soạn cả những bài tập thực hành kèm theo để giúp học sinh có được kỹ năng làm bài Tập làm văn nghị luận.

Cái đáng sợ nhất là thói quen làm bài Tập làm văn cầu thả, tùy tiện sẽ khó thích ứng với những kiểu cách tuy cũ - mang phong cách truyền thống - nhưng rất có hiệu quả đã bị bỏ quên từ lâu.

Kính mong sách được hiểu rõ tác dụng và được sử dụng rộng rãi.

*Mùa xuân Nhâm Ngọ năm 2002*

**Phan Huy Đông**



## ***Phần một***

# **CÁC KIỂU BÀI TẬP LÀM VĂN NGHỊ LUẬN**

### **I - ĐẠI CƯƠNG VẤN ĐỀ**

Hai loại nghị luận :

**1. Nghị luận xã hội chính trị thời sự :** Viết về các vấn đề xã hội thời sự chính trị ngoài xã hội, ngoài văn học.

Thí dụ :

a) Giải thích và bình luận câu nói của Mác : “Hạnh phúc là đấu tranh”.

b) Giải thích và bình luận quan điểm văn hoá : “Giữ gìn nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc”.

c) Giải thích và bình luận câu nói của Lênin : “Học, học nữa, học mãi”.

**2. Nghị luận văn học :** Viết về các vấn đề nội dung nghệ thuật văn thơ.

Thí dụ :

a) Bình giảng bài thơ *Thu vịnh* của Nguyễn Khuyến.

b) Phân tích truyện ngắn *Vợ Nhặt* của nhà văn Kim Lân.

c) Chứng minh nhận định sau đây : “Văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám đến 1975 đã nêu lên hình ảnh nhân vật công nông binh một cách đậm đà sâu sắc”.

## II. CÁC KIỂU BÀI CỤ THỂ

- Giải thích
- Chứng minh
- Phân tích : có 3 kiểu phân tích :
  - Phân tích nhân vật
  - Phân tích tác phẩm văn thơ
  - Phân tích giai đoạn
- Bình giảng
- Bình luận
- Hồn hợp : bao gồm :
  - vừa giải thích vừa chứng minh (GT + CM)
  - vừa giải thích vừa bình luận (GT + BL)
  - vừa giải thích, chứng minh, vừa bình luận (GT + CM + BL)

**1. Kiểu bài giải thích** : là làm sáng rõ nghĩa của lời thơ, văn, của lời nói.

Nghĩa có *nghĩa đen*, tức là *nghĩa sát ngay từ ngữ đó*.

*Thí dụ* : *Gắn mực thì đen, gắn đèn thì rạng*. Nghĩa đen tức là nghĩa sát ngay từ ngữ đó : “mực” nghĩa sát ngay từ ngữ là... thứ

mực đen để viết ; “đen” nghĩa sát ngay từ ngữ đó là... vật dụng để chiếu sáng.

Nghĩa có nghĩa bóng, tức là *nghĩa tượng trưng xa xôi bóng bẩy*.

Từ dụ : “Mực” nghĩa bóng là những điều xấu xa, nhơ nhuốc, tật thói xấu hỏng.

“Đèn” nghĩa bóng là điều tốt, người thiện, điều lành, việc tốt.

Vậy “gắn mực thì đen” nghĩa bóng là gần kẻ xấu, việc ác, hành động nhơ bẩn thì ắt sẽ hoá thành xấu, thành ác ; “gắn đèn thì rạng” nghĩa bóng là gần người thiện, việc tốt, điều lành thì ắt sẽ trở nên người thiện, làm việc lành.

Từ chỗ hiểu nghĩa đen, nghĩa bóng sẽ hiểu ra ý nghĩa tư tưởng chung của lời nói rồi bàn luận cho sâu sắc hơn.

Tóm lại, giải thích là làm cho cái gì đó đang tăm tối trở nên sáng rõ. Người ta vì không hiểu nghĩa nên tăm tối mù mịt, ta phải làm sáng rõ lên cho người nhận được vấn đề.

*Có thể nói giải thích là làm sáng rõ vấn đề.*

## **2 Kiểu bài chứng minh**

“Minh” là từ Hán Việt, nghĩa là “sáng”, nếu viết chữ Hán thì nó gồm hai chữ “nhật” và “nguyệt”, ý nói mặt trời và mặt trăng là hai vật chủ yếu đem lại ánh sáng cho hành tinh.

“Chứng” là những điều đưa ra để xác nhận đúng sai. Nó nằm trong chữ “chứng cứ”, “dẫn chứng”.

Vậy chứng minh nghĩa là đưa dẫn chứng để xác nhận đúng sai của vấn đề.

*Thí dụ :* Có tiếng gọi trên loa rằng : “Ai đi xem hội đã đánh rơi một cái đồng hồ thì đến Ban Tổ chức mà nhận !”.

Sau đó, có ba người cùng đến Ban Tổ chức nhận là mình đã đánh rơi mất đồng hồ.

Ban Tổ chức phải hỏi : “Chúng tôi chỉ nhận được 1 đồng hồ mà có những ba người nhận. Vậy các ông phải đưa ra dẫn chứng cụ thể về cái đồng hồ của ông như thế nào để chúng tôi phân xử chứ ?”.

Người A nói rằng : “Đồng hồ của tôi là đồng hồ SENKÔ, có hai cửa sổ, màu xanh lơ”.

Người B nói rằng : “Đồng hồ của tôi là đồng hồ nữ hiệu ORIĂNG, có bốn đinh”.

Người C nói rằng : “Đồng hồ của tôi là đồng hồ nữ hiệu RADÔ”.

Tức là cả ba người đều đưa ra dẫn chứng dữ liệu để xác nhận về cái đồng hồ mà Ban Tổ chức nhận được. Thấy thế Ban Tổ chức xem lại đồng hồ và trả lời : “Cái đồng hồ của chúng tôi nhận được là đồng hồ ORIĂNG, bốn đinh. Vậy đó là đồng hồ của ông B. Xin trao trả cho ông B”.

Rõ ràng đó là kiểu *chứng minh*.

Vậy khi làm bài về kiểu chứng minh tức là học sinh, thí sinh phải đưa ra những dẫn chứng để xác nhận đúng, sai vấn đề mà đầu bài nêu ra.

Tóm lại *chứng minh là xác nhận một vấn đề đúng sai*.

Thí dụ một đầu đề kiểu chứng minh như sau :

Bác Hồ đã nói : “Không có gì quý hơn độc lập tự do”.

Qua các thời kỳ lịch sử đấu tranh của dân tộc ta hãy chứng minh ý nghĩa của ý kiến trên.

Miễn chứng minh câu nói này, thí sinh học sinh phải đưa ra những dẫn chứng trong các cuộc đấu tranh của dân tộc ta để xác nhận vấn đề “Độc lập – Tự do” là có giá trị nhất trong cuộc sống nhân loại.

### **3. Kiểu bài phân tích**

“Thân” chữ Hán, có nghĩa là “chia tách ra”.

“Lịch” chữ Hán, có nghĩa là “chứa đựng”.

Vì “phân tích” tức là “chia tìm, tách ra những gì đang chứa đựng trong đó”, nói tóm gọn là *tìm ra vấn đề*.

*Phân tích là tìm ra vấn đề* : Tìm ra những vấn đề chi tiết để nâng cao lên, tìm ra những chủ đề, ý chính, ý nghĩa.

Thí dụ đầu đề : Phân tích nhân vật Chí Phèo trong truyện ngắn *Chí Phèo* của nhà văn Nam Cao.

Đề này yêu cầu học sinh phải tìm ra trong nhân vật Chí Phèo có những tính cách gì, âm hồn ra sao để tìm ra ý nghĩa vấn đề xã hội : đối xử giữa các giai cấp, tình con người, sự phản kháng xã hội giai cấp a sao...

Theo như sách đã dẫn ra ở đoạn trên thì có 3 kiểu phân tích, tức là cũng đều tìm ra vấn đề nhưng vì trong kiểu bài phân tích hay có dạng nọ, dạng kia nên cần tách bạch rõ ràng như vậy để tránh gây cho hí sinh học sinh mới học một sự rối loạn, hoang mang.



Đó là 3 kiểu phân tích “con” nằm trong một kiểu phân tích “mẹ” nói chung.

a) *Phân tích nhân vật* : Tìm ra tính cách tâm hồn, cuộc sống nhân vật đó có những gì.

*Thí dụ* : Phân tích nhân vật Hoàng trong truyện ngắn *Đôi mắt* của Nam Cao.

b) *Phân tích tác phẩm* là từ nói chung chỉ các tác phẩm văn thơ, cả một tác phẩm hoặc một đoạn văn, một đoạn thơ (nếu nói kĩ càng thì phải gọi là “phân tích tác phẩm văn học”...)

*Thí dụ* :

+ Phân tích ý nghĩa hai câu thơ :

*“Hết mưa là nắng hừng lên thôi*

*Hết khổ là vui vốn lẽ đời”*

+ hoặc đề : Phân tích tinh thần lạc quan cách mạng thể hiện trong tác phẩm *Nhật kí trong tù*.

+ hoặc đề : Phân tích Truyện Kiều để nêu lên tinh thần nhân đạo cao cả của những vấn đề đối với phụ nữ.

c) *Phân tích giai đoạn* : tìm ra những vấn đề nội dung nghệ thuật của cả một quá trình giai đoạn thời gian văn học trong một giai đoạn lịch sử.

*Thí dụ* : Phân tích hình ảnh công nông binh trong văn học cách mạng giai đoạn từ 1945 đến 1975.

#### **4. Kiểu bài bình luận**

“Bình” nghĩa là “đánh giá”.

“Luận” nghĩa là “bàn bạc”.

Vậy kiểu bài bình luận tức là kiểu bài phải đánh giá một vấn đề nào đó rồi bàn bạc phương hướng hành động.

Học sinh vì tuổi còn non nớt, ngây thơ nên khi đánh giá một vấn đề xã hội hay bàn bạc một phương hướng hành động thường lúng túng, thiếu lý luận giả dạn sắc bén.

Thí dụ đầu đề : Bình luận ý nghĩa câu thơ :

*“Nay ở trong thơ nên có thép*

*Nhà thơ cũng phải biết xung phong”.*

tức là đánh giá vấn đề “tính chiến đấu” của thơ ca, của nghệ sĩ, thi sĩ trong tình hình đấu tranh xã hội cách mạng và bàn phương hướng hành động là “văn nghệ phải có tính chiến đấu cách mạng”.

Muốn làm được kiểu bài bình luận hay, sâu sắc thì học sinh thí sinh phải đọc nhiều tác phẩm lý luận kinh điển, khảo cứu nghiên cứu.

## 5. Kiểu bài bình giảng

“Bình” tức là đánh giá, nêu giá trị.

“Giảng” tức là nêu rõ ra các vấn đề cho người đọc hiểu.

Thực chất của kiểu bài bình giảng là “phân tích cả nội dung và nghệ thuật” và “bình luận ý nghĩa vấn đề nội dung nghệ thuật” đó.

Nhưng khác hai kiểu bài “phân tích” và “bình luận” ở chỗ *bình giảng* chỉ dùng cho tác phẩm văn thơ, không ai ra đề cho một vấn đề có tính chất lý luận xã hội.

Thí dụ :

+ Khi ra đề về phân tích nhân vật thì có thể ra như sau :  
“Phân tích nhân vật Chí Phèo”.

+ Khi ra đề về bình luận thì có thể ra như sau : “Bình luận về tính dân tộc trong văn học cách mạng kháng chiến 1945 – 1975”.

chứ không ai ra đề là “Bình giảng nhân vật Chí Phèo” hay “Bình giảng tính dân tộc trong văn học cách mạng kháng chiến 1945 – 1975”.

Chỉ ra đề bình giảng khi có một đoạn văn thơ văn học, không ra đề bình giảng một câu lý luận ngắn gọn.

Thí dụ có thể ra đề :

Phân tích ý nghĩa câu nói của Bác Hồ : “Không có gì quý hơn độc lập tự do”

hoặc :

Bình luận ý nghĩa câu nói của Bác Hồ : “Không có gì quý hơn độc lập tự do”.

Không ai ra đề là :

“Bình giảng câu nói của Bác Hồ “Không có gì quý hơn độc lập tự do”

mà chỉ ra đề :

“Bình giảng bài thơ *Nguyên tiêu* của Bác Hồ”.

tức là dùng cả một bài thơ, một đoạn văn để cho học sinh thí sinh bình giảng. Cũng không ai ra đề “Bình giảng... cả một tác phẩm Truyện Kiều... trong khuôn khổ thi cử chỉ có thời gian 180 phút hoặc 240 phút”.

Chính vì thế có thể nói là *Bình giảng tức là phân tích cả nội dung và nghệ thuật và bình luận vấn đề lý luận xã hội trong nội dung tác phẩm đoạn văn thơ đó.*

*Bình giảng* là phải đề cập đến cả hai vấn đề nội dung và nghệ thuật.

Học sinh thí sinh hay lúng túng trong vấn đề tìm ra nghệ thuật của đoạn văn, thơ đó. Đó chính là điểm khác biệt giữa phân tích và bình giảng. Còn nhìn chung thì phân tích và bình giảng gần giống nhau về cách làm, cách viết văn.

*Thi dụ* : Đề văn kiểu bài bình giảng :

Đề số 2 – Thi tuyển sinh Đại học Quốc gia Hà Nội năm 1996.

Câu 1 : Bình giảng đoạn thơ sau trong bài *Tây tiến* của Quang Dũng:

*Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa  
Kìa em xiêm áo tự bao giờ  
Khèn lên man điệu nàng e ấp  
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ  
Người đi Châu Mộc chiều sương ấy  
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ  
Có nhớ dáng người trên độc mộc  
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa.*

## **6. Kiểu bài hỗn hợp**

*Hỗn hợp nghĩa là bao gồm cả hai, ba kiểu bài có lẫn trong một đề thi, bài thi.*

Hỗn hợp thường có ghép cả :

- + Giải thích và chứng minh (viết tắt là GT + CM)
- + Chứng minh và bình luận (CM + BL)

+ Giải thích và bình luận (GT + BL)

+ Giải thích, chứng minh và bình luận (GT + CM + BL)

+ Phân tích và chứng minh (PT + CM)

Kiểu bài hỗn hợp không hề thấy có ghép các kiểu với bình giảng như: “bình giảng + giải thích...” vì thực chất trong bình giảng đã có giải thích giảng giải và có cả giọng bình luận.

Vì thế, *tính chất của kiểu bài hỗn hợp tức là ghép các tính chất của các kiểu bài đó.*

*Thí dụ* : GT + CM tức là đưa tính chất của GT và CM hỗn hợp lại.

CM + BL, tức là tính chất cả CM và BL, hỗn hợp lại.

### **Tổng hợp tóm tắt tính chất các kiểu bài :**

*Giải thích* : Làm sáng rõ vấn đề

*Chứng minh* : Xác nhận vấn đề

*Bình luận* : Đánh giá + bàn bạc

*Bình giảng* : Tìm ra + đánh giá nội dung + nghệ thuật

*Hỗn hợp* : Ghép các tính chất kiểu bài



## *Phần hai*

### **NĂM VIỆC PHẢI LÀM**

- **Tìm hiểu đầu đề**
- **Làm dàn bài – dàn ý**
- **Nháp**
- **Viết chính thức**
- **Tự kiểm tra**

#### **Giải thích chung về năm việc phải làm**

Tác giả viết quyển sách nhỏ *“Cách làm bài tập làm văn nghị luận”* là dựa trên tài liệu đã giảng dạy cho học sinh cấp 3 (lớp 8, lớp 9, lớp 10) từ những năm 1965 và những năm sau này theo hệ thống PTH 12 năm (lớp 10, lớp 11, lớp 12).

Hiện nay, càng ngày càng có xu hướng tự do, tùy tiện trong cách học, cách làm bài tập làm văn. Nhất là vào thời kỳ các đề thi có sẵn được phổ biến công khai rồi sau đó các sách tham khảo của đủ các vị tác giả, giáo sư viết ra với mục đích hướng dẫn làm bài và rồi cũng làm cho học sinh ý lại mà photocopy các bài văn tằm cỡ “giáo sư” để khi vào phòng thi, dùng nó làm cái “phao cứu sinh”, cái trỏ dũa bị báo chí dư luận lên án gay gắt. Trước khi thi vào Trường CD – PH, học sinh lớp 12 còn phải thi tốt nghiệp phổ thông, với bài

thi bắt buộc về tập làm văn. Việc tốt nghiệp phổ thông tuy cũng là một động thái nhẹ nhàng cho học sinh rút ra khỏi mật độ căng thẳng nơi ghế nhà trường nhưng việc làm bài thi văn vẫn còn tác dụng giáo dục nâng cao trình độ ngôn ngữ cho con người.

Có lẽ đã đến lúc tỉnh ngộ mà chấn chỉnh các thói xấu trong thi cử nên Bộ GD – ĐT đã có một quyết định đúng đắn vào mùa hè năm 2002 là thi một đề chung cho từng khối thi : A hay B – C – D – IE.

Về phương diện học văn, đó cũng là một thời cơ để uốn nắn lại cách học, cách làm bài tập làm văn, cách sử dụng ngôn ngữ dân tộc trong giới trẻ học sinh. Đó là quyết định rất đáng hoan nghênh !!

Nói như thế để hiểu rằng khi làm bài tập làm văn với đề chưa có sẵn in trong sách tham khảo thì không giữ thói tùy tiện như bao năm gần đây nữa mà phải có từng việc, từng bước rõ ràng, cụ thể và khoa học. Đến lúc được phát đề thi rồi mở đề thi ra xem, thí sinh không thể muốn viết gì cũng xong. Phải có từng việc cụ thể hướng dẫn đường đi đến đích thắng lợi.

Không chấn chỉnh thói xấu tùy tiện cũ thì thấy cách làm bài này khó thực hiện và khó chịu, nhưng nếu học được thì lúc thi sẽ nhẹ nhàng, thoải mái.

Cũng y như 7 yếu lĩnh khi bắn súng : tỳ vai, áp má, nheo mắt, nín thở... bóp cò... nghe thì rắc rối nhưng sau khi luyện tập, người bắn súng sẽ thực hiện nhanh như chớp cả 7 yếu lĩnh và có thể thì đạn mới trúng mục tiêu.

Tóm lại ***phải học theo một phương pháp khoa học***. Vì vậy mới cần đến 5 việc phải làm khi viết một bài tập làm văn.

Đó mới chỉ là một lời giải thích.

*Cn một lời giải thích nữa là “phải luyện tập viết trên giấy” chứ hông học suông, lý thuyết.* Bởi vì khi thi thì thử hỏi thí sinh thi vót hay thi nói. Câu trả lời là... thi viết... trên giấy. Mong học sinh luyện thói quen mới và tốt là viết trên giấy cho thuần thục cách làm bài tập làm văn.

Vy nếu làm xong một bài thì có thể tìm cách làm lại lần nữa cho thuần thục. Tất nhiên các em còn bận nhiều thời gian để học các môn khác, nhưng điều cố gắng là ở bản thân học sinh là chính.

**Đ là lời giải thích thứ hai : Phải viết - viết - viết và viết.**

*Cn lời giải thích thứ ba. Đó là chống lối “Học tủ, học lệch”.*

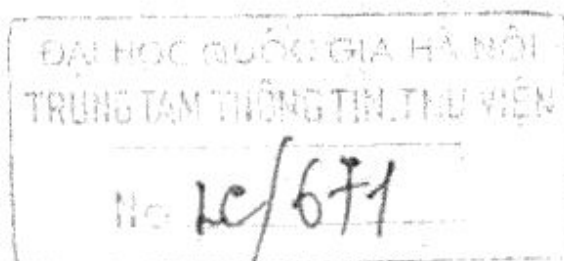
Nhĩa là nhầm nhẹ một đề tài nào đó mà học và chắc mẫm là phemày sẽ... trợn mắt lên... trong khi mở đề thi ra. Vì than ôi, cái đề thi nó lại ở đâu đâu chứ không có sẵn trong óc các em ! Phải học toàn diện các phần của chương trình PTTTH ! Chỉ học chủ yếu là chương trình lớp 12 chứ không được chỉ học riêng chương trình lớp 12 mà bỏ hẳn chương trình học của lớp 10 và 11.

Hy đề phòng gặp trường hợp có một trong hai loại đề thi sau đây một là đề thi chỉ có nội dung chương trình lớp 11, lớp 10 ; hai là đề thi bao gồm cả nội dung kiến thức chương trình lớp 12 cộng kiến thức lớp 10 hoặc 11.

## **I - VỆC THỨ NHẤT : TÌM HIỂU ĐỀ**

### **A Tâm quan trọng của đầu đề**

Tc giả quyển sách này đã quan sát thấy rất nhiều học sinh, sau khi lướt được đề bài rồi thì... loay hoay đi tìm sách tham khảo, khi



làm bài tại lớp, rồi tìm cách chép các đoạn nào đó trong quyển sách nào đó, hoặc nháo nhác lên hỏi bạn nọ bạn kia rồi mới viết bài văn.

Nghĩa là rất nhiều học sinh không chú ý gì đến cái đề bài đã có ở trước mặt mình. Cần phải hiểu những điều sau đây :

– Đầu đề bài tập làm văn là khuôn mẫu quy định bắt buộc học sinh, thí sinh phải đáp ứng.

– Đầu đề đã chứa đựng cái bảng điểm chấm bài của giám khảo, có các chi tiết cho điểm trong đó. Thử hỏi thí sinh có muốn đỗ hay không thì ắt là phải tuân theo các chi tiết cho điểm mà mình không có quyền chấm, mình chỉ cần đáp ứng các chi tiết cho điểm đó bằng cách xem trong đầu đề.

– Nếu viết lung tung theo ý mình, không cần đếm xỉa đến đầu đề thì các giáo viên, các giám khảo sẽ đánh giá là “lạc đề”.

Đầu đề ví như hai thanh sắt của đường ray xe lửa. Toa tàu không được phép đi chệch khỏi hai thanh đường ray sắt đó. Cũng như bài làm không được phép xa rời ý của đầu đề !

## **B. Cấu tạo của đầu đề**

Thông thường đầu đề được cấu tạo theo 4 cách sau đây :

### **1. Loại đề có 4 phần**

**Đề thí dụ :**

Nhận định về tập thơ *Nhật ký trong tù*, sách giáo khoa viết : “*Tác phẩm không những là một văn kiện lịch sử vô giá mà còn là một tác phẩm văn học lớn*”.

Qua các bài đã học, đã đọc, hãy giải thích và chứng minh nhận định trên.

Là thanh niên thế hệ Hồ Chí Minh, anh (chị) hãy nêu lên phương hướng tư tưởng học tập ở tập thơ *Nhật ký trong tù* của Bác Hồ.

Đoạn ý phần 1 “Nhận định về tập thơ *Nhật ký trong tù*, sách giáo khoa viết” là *phần giới thiệu*.

Đoạn ý phần 2 “Tác phẩm không những là một văn kiện lịch sử vô giá mà còn là một tác phẩm văn học lớn” là *phần nhận định*.

Đoạn ý phần 3 “Qua các bài đã học đã đọc, hãy giải thích và chứng minh nhận định trên” là *Phần hạn định quy định*.

Đoạn ý phần 4 “Là thanh niên thế hệ Hồ Chí Minh, anh (chị) hãy nêu lên phương hướng tư tưởng học tập ở tập thơ NKTT của Bác Hồ” là *phần liên hệ tư tưởng*.

*Phần giới thiệu* là phần nêu lên xuất xứ, vị trí, tác giả của câu nhận định sẽ nêu ra.

*Phần nhận định* là phần nêu lên câu nào đó, đoạn thơ, đoạn văn nào đó dùng làm nội dung của đề.

*Phần hạn định* là phần quy định học sinh phải làm theo kiểu bài gì, trong phạm vi kiến thức nào.

*Phần liên hệ tư tưởng* là phần yêu cầu học sinh kết hợp bài làm với sự rèn luyện tư tưởng đạo đức cần thiết.

Thực ra có thể xếp cả *phần liên hệ tư tưởng* vào chung với *phần hạn định* vì đó cũng là sự quy định bắt buộc thí sinh phải làm nhưng xếp hành loại để có 4 phần để tránh cho thí sinh coi nhẹ *phần liên hệ tư tưởng* này mà mất đi khoảng 3 điểm trong biểu điểm chấm bài.

## **2. Loại đề có 3 phần**

Nội đề văn, bắt buộc phải có hai phần chủ yếu là *phần nhận định* và *phần hạn định*.



Vì vậy, loại đề có 3 phần thường cắt bớt một trong hai phần khác như *phần giới thiệu* hoặc *phần liên hệ tư tưởng*.

### **Thí dụ loại đề có 3 phần.**

Đề thi tốt nghiệp Trung học Phổ thông năm học 2000 – 2001 có đề II (8 điểm) như sau :

“Nhà văn Kim Lân có lần đã kể lại : Tác phẩm *Vợ Nhặt* của ông thực ra là một chương đã được viết lại của truyện dài *Xóm ngụ cư* (...) Ý của truyện : trong sự túng đói quay quắt, trong bất cứ hoàn cảnh nào, người nông dân ngụ cư vẫn khao khát vươn lên trên cái chết, cái thảm đạm, để mà vui, mà hy vọng” (Theo Cách mạng Kháng chiến và Đời sống văn học (1945 – 1954), Hồi ức, Kỷ niệm, tập I, NXB Tác phẩm mới - Hội Nhà văn VN 1985, trang 94).

Anh hoặc chị hãy làm sáng tỏ ý tưởng nói trên qua việc phân tích truyện ngắn *Vợ Nhặt*.

Trong đề này, cả đoạn ý “Tác phẩm *Vợ Nhặt* của ông... *Xóm ngụ cư*” cùng đoạn ý “(Theo cách mạng... trang 94) đều là *phần giới thiệu*.

*Phần nhận định* là đoạn ý “ý của truyện : ... hy vọng”

*Phần hạn định* là đoạn ý “anh hoặc chị ... *Vợ Nhặt*”.

### **3. Loại đề có 2 phần**

Loại đề này chỉ có *phần nhận định* và *phần hạn định*.

**Thí dụ :** Đề thi tuyển sinh vào Đại học Quốc gia Hà Nội năm 1996. Đề số 3 dành cho các thí sinh theo chương trình Ban Khoa học Tự nhiên và Kỹ thuật (Ban B).

Câu 1 :

*Bình giảng đoạn thơ sau trong bài Đây thôn Vĩ Giã của Hàn Mặc Tử :*

*Sao anh không về chơi thôn Vĩ ?  
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên  
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc  
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.*

Đoạn ý “Sao anh... chữ điền” là *phản nhận định*.

Đoạn ý “Bình giảng ... Hàn Mặc Tử” là *phản hạn định*.

#### **4. Loại đề có một phần**

Loại đề này chỉ cần nêu một *phần hạn định*.

**Thí dụ :** Đề thi tuyển sinh Đại học 2001 của Trường Đại học Ngoại ngữ có đề số 2 (3 điểm như sau) :

*Phân tích nhân vật A Phủ trong truyện Vợ chồng A Phủ của Tô Hoài.*

### **C. Bảy bước tìm hiểu đề**

#### **1. Các bước cụ thể**

Miốn tìm hiểu đề phải thực hiện 7 bước tìm hiểu sau đây :

**1. Kiểm tra chép đúng đề.** Nếu gặp cách ra đề theo lối đọc chép như ở nhà trường thì phải kiểm tra kỹ để tránh sai sót thiếu chữ quan trọng sẽ lệch nội dung bài TLV.

Nếu được phát đề in sẵn thì kiểm tra xem đề in có thiếu nét in nét chữ sai trái gì không... Thời gian từ 1 phút đến 3 phút.

2. *Đọc kỹ đề.* Đọc chậm và suy nghĩ tập trung để hiểu ý tứ của đề ít nhất 3 lần.

3. *Gạch chân những chữ quan trọng* (xem giải thích kỹ ở phần tiếp dưới sau đây).

4. *Xác định kiểu bài* (xem giải thích kỹ ở dưới đây).

5. *Tìm ý chính* (xem giải thích kỹ ở dưới đây).

6. *Tìm các ý phụ* (xem giải thích kỹ ở dưới đây).

7. *Tự kiểm tra các điều đã làm ở 6 bước trên có gì sai lầm không.*

Tóm lại, thời gian dùng cho việc tìm hiểu đề chỉ nên tối đa là 40 phút nếu gặp đề ẩn ý, rắc rối. Nếu gặp đề rõ ý thì chỉ cần 20 phút là xong việc thứ nhất này.

Đừng khinh thường bước tìm hiểu đề này vì đúng đường hay chệch hướng, lạc đề là bắt đầu từ đây !

## **2. Giải thích - hướng dẫn kỹ một số bước**

### **a) Bước 3 – gạch chân các chữ quan trọng**

+ Ý nghĩa của bước *gạch chân các chữ quan trọng* là để cho học sinh, thí sinh nắm vững những điều cần thiết xác định cụ thể những ý mà đầu đề yêu cầu chứa đựng trong các chữ của đề đó. Tránh hiểu sai lung tung sẽ lạc đề ngay từ bước đầu làm bài.

Chú ý tìm hiểu, đắn đo suy nghĩ khi gạch chân các chữ quan trọng. Không gạch quá nhiều bữa bãi gần khắp cả đầu đề. Gạch nhiều quá như vậy có khác chi không gạch (thà để trắng, còn tốt hơn là gạch bữa).

+ *lách gạch chân các chữ quan trọng*

- *Ôm chữ nào ghi rõ kiểu bài.*

Th dụ chữ “phân tích” trong đề 2 tuyển sinh Đại học Ngoại ngữ 2001.

Th dụ chữ “bình giảng” trong đề số 3 Ban B Tuyển sinh Đại học Quốc gia Hà Nội.

Có những đề bị dấu kín, ẩn chữ ghi kiểu bài làm cho học sinh lúng úng nếu không có bản lĩnh làm bài. Thí dụ đề số 2, câu 2 tuyển sinh vào Đại học Quốc gia Hà Nội năm 1996 chỉ ghi như sau : “Bi kịch của người trí thức nghèo trong truyện ngắn *Đời thừa* của Nam Cao. (Có thể liên hệ với nhân vật cùng loại trong sáng tác của Nam Cao thời kì trước Cách mạng tháng Tám 1945).”

Đó là kiểu bài hỗn hợp – vừa phân tích vừa chứng minh bình luận đều tốt cho nội dung bài làm này.

- *Ôm chữ nào nêu rõ ý chính*

Tỉ sinh, học sinh phải hiểu rõ các chữ nêu lên *ý chính* nội dung mà đề đã yêu cầu. Muốn thế phải suy nghĩ và rèn luyện cho quen hàng ngày.

*Cách tìm chữ ghi ý chính.*

*Mt là phải đọc có suy nghĩ để tìm chọn trong số chữ của đề ra dụng ý của vấn đề mà đề thi bắt phải nêu ra.*

*Hi là nhằm vào các từ ngữ có sẵn trong đề đã nêu ra. Thí dụ : Đề thi Tuyển sinh 2001 Đại học Văn hoá Hà Nội, câu II (5 điểm) : Phân tích diễn biến tâm trạng và hành động của Chí Phèo (trong truyện ngắn cùng tên của Nam Cao) từ khi gặp Thị Nở cho tới khi kết thúc cuộc đời.*

Thí sinh phải gạch chân chữ lộ rõ của đề : diễn biến tâm trạng ... hành động ... từ khi gặp Thị Nở ... kết thúc cuộc đời.

Nếu bỏ qua, coi thường ý “từ khi gặp Thị Nở cho tới khi kết thúc cuộc đời” thì có thí sinh sẽ “hăng máu” viết tất cả tâm trạng và hành động trong cả cuộc đời Chí Phèo.

Dạng ý lộ rõ của đề này là bắt buộc thí sinh chỉ phải làm rõ diễn biến tâm trạng và hành động trong thời kỳ cuối mà thôi. Ý chính của đề này là đó !

– Tìm chữ nào nêu ra ý nhỏ – ý phụ của ý chính

Ý chính là thân cây thì ý nhỏ, ý phụ là những cái cành cây. Vì vậy ý nhỏ, ý phụ có trong ý chính. Tác giả sách này phải dùng cả hai từ này, cùng một lúc, ghép nhau vì : chữ ý phụ là so với chữ ý chính ; chữ ý nhỏ hàm ý chỉ ý chính là ý lớn. Phải cẩn thận ghép lại như vậy để tránh hiểu lệch phụ là không cần tìm ra.

Thí sinh phải tìm chữ ghi ý nhỏ – ý phụ ở :

• Các chữ có sẵn trong đề. Thí dụ, phân tích hai đoạn đời khác nhau của nhân vật Mỵ trong truyện ngắn Vợ chồng A Phủ để thấy rõ sự dày ải trong đoạn đời ở nhà Thống lý Pá Tra và niềm vui tự do khi đã sống cùng A Phủ.

Thí sinh sau khi gạch chân cụm chữ “hai đoạn đời khác nhau” để xác định ý chính rồi thì gạch chân các chữ “dày ải” và “niềm vui tự do” để xác định ý phụ, ý nhỏ.

• Tìm chữ nào có trong phần liên hệ tư tưởng.

Thí dụ : Nếu đề trên (Vợ chồng A Phủ) lại có thêm một đoạn viết : “Anh hay chị hãy liên hệ cuộc đời đổi mới do cách mạng đem



lại chờ đời sống nông dân hiện nay” thì thí sinh phải gạch dưới chữ “liên hệ”.

Không được bỏ qua chữ này vì trong biểu cho điểm sẽ có ghi ít nhất 1.2 điểm một khi người ra đề đã cố ý soạn ra nó. Nếu được thêm điểm thì khả năng chiến thắng đánh đổ hàng trăm thí sinh khác 1 chuyện tất nhiên. Trong kỳ thi tuyển sinh ĐH – CĐ nếu thêm được 1 điểm nữa thì là điều may mắn, rất tốt, rất cần để vươn tới đích thắng lợi !

*Tới lại, bước gạch chân các chữ quan trọng là để xác định yêu cầu cụ thể bài, là khuôn phép đòi hỏi thí sinh phải đáp ứng, chống tản ma linh tinh.*

#### **b) Bước 4 – xác định kiểu bài**

Qua bước gạch chân chữ quan trọng, ta xác định chữ kiểu bài và như thế là ta đã xác định được kiểu bài.

Như lại tổng hợp, các kiểu bài :

1. Giải thích
2. Chứng minh
3. Phân tích. Bao gồm 3 kiểu phân tích : phân tích nhân vật, phân tích tác phẩm và phân tích giai đoạn
4. Bình luận
5. Bình giảng
6. Hồn hợp

#### **c) Bước 5 – Tìm ý chính**

*+ tầm quan trọng của việc tìm ý chính*

Ý chính như cái thân cây của một cái cây.

Ý chính trong một bài văn ví như cái xương của một thân mình.

Ý chính là điều chủ yếu phải tuân thủ theo yêu cầu của đề bài, phải nói đến ở cả ba phần bài văn, từ mở đầu vấn đề cho đến giữa giải quyết vấn đề thân bài và kết luận kết thúc vấn đề.

Không được phép xa rời *ý chính* để viết linh tinh theo ý mình. Viết như thế sẽ lạc đề !

Tuy vậy, vì không được luyện tập kĩ càng nên nhiều học sinh chẳng có một ý niệm gì về *ý chính*. Khi làm bài TLV, các em cứ viết mê man mãi miết những ý họ biết, họ muốn, không biết tuân thủ *ý chính* mà đề thi yêu cầu.

Vậy muốn tìm *ý chính* thì ta phải làm như thế nào ?

Trước hết, phải tìm ở đâu đề vì khi ra đề người làm đề đã có ý định rõ rệt rồi :

+ *Có những đề, lộ rõ chữ ý chính*. Thí sinh phải dựa vào chữ quan trọng vừa gạch chân ở bước 3 nêu trên.

Thí dụ : Đề 2 tuyển sinh Đại học Ngoại ngữ 2001 (5 điểm) : Phân tích diễn biến tâm trạng và hành động của Chí Phèo (trong truyện ngắn cùng tên của Nam Cao) từ khi gặp Thị Nở cho tới khi kết thúc cuộc đời. Ta chỉ cần gạch chân chữ “diễn biến tâm trạng và hành động” là đúng *ý chính*.

+ *Nhưng có đề lại ẩn ý*, khó đoán thì thí sinh phải nhận thức suy nghĩ.

Thí dụ : Anh hay chị nghĩ gì khi đọc câu thơ :

*Hết mưa là nắng hừng lên thôi*

*Hết khổ là vui vốn lẽ đời.*

Rõ ràng, thí sinh phải suy nghĩ về ý nghĩa hai câu thơ trên rồi tự tìm ra ý chính là *sự lạc quan cách mạng*.

Cụm *lạc quan cách mạng* không có trong đề nhưng ý nghĩa là như vậy. Do đó muốn tìm được ý chính, học sinh phải tự rèn tập nhiều trong học giảng văn ở trường lớp.

Phải nhớ lại kiến thức đã học ở những giờ giảng văn tại trường học rồi tự mình đặt ra ý chính sao cho đúng đắn.

Các lễ về bình giảng, phân tích thơ văn có nhiều trường hợp đầu đề nói rõ ý chính nhưng đa số chỉ đưa ra một ý chung chung, khó hiểu là “Anh (hay chị) hãy bình giảng đoạn thơ trên” mà thôi. Vậy học sinh, thí sinh nào biết cách rèn luyện suy luận thì sẽ tìm đúng ý chính.

#### *d) Phần 6 – Tìm các ý nhỏ, ý phụ*

Ý nhỏ, ý phụ là những cái cành của một cái cây. Nếu cây đã có thân, tức là ý chính, mà không có cành cây thì cây không đẹp và cây sẽ chết.

Ý nhỏ, ý phụ của bài TLV cũng khá quan trọng là vậy. Một bài TLV không đủ ý nhỏ, ý phụ thì bài làm đó sẽ bị thiếu điểm theo như biểu điểm đã vạch ra cho giám khảo chấm.

Tìm được các ý nhỏ, ý phụ đúng và đủ thì nội dung bài TLV cũng đầy đủ, phong phú.

Có thể ví các ý nhỏ, ý phụ như cơ bắp trên cơ thể, trong khi đó ý chính là hình thái bộ xương toàn thân.

*Cách tìm ý nhỏ - ý phụ như sau :*

1. Dựa vào đầu đề

+ Có loại đề thi, trong đầu đề có sẵn ý nhỏ, ý phụ.

Thí dụ : Đề thi Tốt nghiệp PTTH năm 1995 – 1996, đề 2 (10 điểm) : Anh (chị) hãy phân tích hình ảnh con người Việt Nam thời chống Mỹ qua hai tác phẩm *Rừng Xà nu* của Nguyễn Trung Thành và *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi.

Rõ ràng ý chính là “hình ảnh con người Việt Nam thời chống Mỹ” (viết tắt : HACNVNTCM).

Còn ý nhỏ, ý phụ phải là 2 ý :

a/ HACNVNTCM trong tác phẩm *Rừng Xà nu* của Nguyễn Trung Thành.

b/ HACNVNTCM trong tác phẩm *Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi.

+ Có loại đề không nêu rõ các ý nhỏ – ý phụ thì học sinh thí sinh phải dựa vào kiến thức đã học mà tự tìm và đặt ra ý nhỏ – ý phụ sao cho đúng.

Muốn vậy xin xem tiếp ý sau :

2. Dựa vào kiến thức đã học ở trường

Thí dụ Đề thi tuyển sinh Đại học 2001 của Trường Đại học Ngoại ngữ, câu 2 (3 điểm) : Phân tích nhân vật A Phủ trong truyện Vợ chồng A Phủ của Tô Hoài.

Đề này không nêu rõ các ý nhỏ – ý phụ.

Vậy thí sinh học sinh phải nhớ lại kiến thức đã học trong bài Vợ chồng A Phủ mà phác ra các ý nhỏ, ý phụ như sau :

a/ Nhân vật A Phủ trong thời bị đẩy ải trong nhà Thống lý Pá Tra : lao động nghèo khổ – dám đánh lại con nhà giàu khi đi hát hội xuân – bị bắt và vì mất trâu – bị hành hạ bị trói để dúi nơi cột nhà – bỏ ra đi khi ước Mỵ cứu.

b/ Nhân vật A Phủ trong thời kỳ ở vùng tự do : hằng hái cách mạng tin tưởng ở lực lượng kháng chiến – căm thù giặc Tây và phong kiến – yêu thương vợ.

Không học, không nhớ các kiến thức bài giảng văn thì sao có thể tìm ra ác ý nhỏ – ý phụ của bài thi ?

3. Khi gặp đề phân tích – bình giảng một đoạn văn, đoạn thơ thì phải dựa vào sự phân tích ý nội dung của đoạn văn đoạn thơ mà tìm ra các ý nhỏ ý phụ.

Có ai trường hợp thí sinh sẽ gặp là :

+ Đối với các đề trích từ trong các bài giảng văn đã học thì thí sinh học sinh còn có thể nhớ lại kiến thức đã được thầy cô giảng mà tìm ra ác ý nhỏ, ý phụ.

*Thí dụ :* Đề thi tuyển sinh Đại học Văn hoá Hà Nội năm 2001, môn Văn, khối C – D – N có câu 1 (5 điểm) : Phân tích bài thơ *Chiều ôi* trong *Nhật kí trong tù* của Hồ Chí Minh, từ đó làm rõ vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ.

Rõ ràng đề thi này đã ghi rõ ý chính là “vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ” nhưng không thấy rõ các ý nhỏ, ý phụ.

Vậy thí sinh phải tự phân tích mà tìm ra các ý nhỏ, ý phụ.

Đó là “tình yêu thiên nhiên” của vẻ đẹp tâm hồn nhà thơ qua các câu “cím mòi... chòm mây”.

Đó là “tình yêu cuộc sống” của vẻ đẹp tâm hồn nhà thơ qua các câu “Cô em... lò than rực hồng”.

+ Đối với các đề thi có các đoạn văn thơ lạ, không có trong các bài giảng văn trong nhà trường thì học sinh thí sinh cũng phải vận dụng cách phân tích văn thơ mà tìm ra các ý nhỏ, ý phụ.

*Thí dụ* : Phân tích bài thơ *Chúc mừng năm mới* của Hồ Chủ tịch sau đây :

*Năm qua thắng lợi vẻ vang  
Năm nay tiến tuyến chắc càng thắng to  
Vì độc lập vì tự do  
Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào.*

Rõ ràng, thí sinh học sinh phải tự tìm ra các ý nhỏ, ý phụ để làm bài cho tốt, cho đúng. Nếu không chịu rèn luyện thì không thể tìm được các ý nhỏ, ý phụ.

Các ý nhỏ, ý phụ trong đề này là :

a/ tinh thần lạc quan cách mạng của Hồ Chủ tịch

b/ quyết tâm chiến thắng của Người.

Tóm lại, việc *tìm hiểu đề* bằng 7 bước sẽ là đoạn đầu thắng lợi, nếu thí sinh học sinh chịu rèn luyện tuân thủ những nguyên tắc của cách làm bài TLV nghị luận.

### ***Tổng hợp về việc thứ nhất : Tìm hiểu đề :***

- 7 bước :
1. Kiểm tra đầu đề
  2. Đọc kĩ đầu đề
  3. Gạch chân các chữ quan trọng



4. Xác định kiểu bài
5. Tìm ý chính
6. Tìm các ý nhỏ – ý phụ
7. Tự kiểm tra

## **D - Bài tập thực hành**

### ***1. Bài tập thực hành làm mẫu.***

*Bài tập thực hành làm mẫu số 1* : Đề thi tuyển sinh năm 2001 – Trường Đại học Văn hóa Hà Nội – Môn Văn, khối C – D – A. Thời gian làm bài : 180 phút.

Caul (5 điểm)

Phân tích bài thơ *Chiều tối* trong *Nhật kí trong tù* của Hồ Chí Minh, từ đó tìm ra vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ :

*Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ  
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không  
Cô em xóm núi xay ngô tối  
Xay hết, lò than đã rực hồng.*

(Nam Trân dịch)

*Việc thứ nhất : Tìm hiểu đề :*

7 bước : Bước 1 : Kiểm tra đầu đề

Bước 2 : Đọc kĩ đầu đề, ít nhất 3 lần

Bước 3 : Gạch chân các chữ quan trọng :

- chữ : phân tích (chỉ kiểu bài)
- chữ “vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ” (chỉ ý chính)

Bước 4 : Xác định kiểu bài : phân tích tác phẩm  
văn học (một bài thơ)

Bước 5 : Tìm ý chính : Vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ

Bước 6 : Tìm các ý nhỏ – ý phụ

– tình yêu thiên nhiên

– tình yêu cuộc sống

Bước 7 : Tự kiểm tra.

*Bài tập thực hành mẫu số 2 : Đề thi tuyển sinh 2001 – Đại học Văn hoá Hà Nội - Câu 2 (5 điểm).*

Phân tích diễn biến tâm trạng và hành động của Chí Phèo (trong truyện ngắn cùng tên của Nam Cao) từ khi gặp Thị Nở cho tới khi kết thúc cuộc đời.

*Việc thứ nhất Tìm hiểu đề :*

Bước 1 : Kiểm tra đề

Bước 2 : Đọc kĩ ít nhất 3 lần

Bước 3 : Gạch dưới chân các chữ quan trọng

– chữ “phân tích” (chỉ kiểu bài)

– các chữ “diễn biến tâm trạng”, “hành động”, “từ khi gặp Thị Nở cho tới khi kết thúc cuộc đời”

(chỉ ý chính)

Bước 4 : Xác định kiểu bài : Phân tích nhân vật

Bước 5 : Tìm ý chính : diễn biến tâm trạng và hành động của Chí Phèo từ khi gặp Thị Nở đến khi kết thúc cuộc đời.

Bước 6 : Tìm các ý phụ, ý nhỏ :

- diễn biến tâm trạng
- hành động

Bước 7 : Tự kiểm tra.

*Bài tập thực hành mẫu số 3* : Đề thi Đại học Quốc gia Hà Nội 2001 Môn thi Văn, khối D. Thời gian làm bài : 180 phút.

Câu 1 (2.0 điểm)

Ah (Chị) hãy bình giảng đoạn thơ sau đây trong bài *Tây tiến* của Quang Dũng :

*Người đi Châu Mộc chiều sương ấy  
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ  
Có nhớ dáng người trên độc mộc  
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa*

*Vệc thứ nhất : Tìm hiểu đề*

7bước : Bước 1 : Kiểm tra đề

Bước 2 : Đọc kĩ, ít nhất 3 lần

Bước 3 : Gạch chân những chữ quan trọng :

- chữ “bình giảng” (chỉ kiểu bài)

Bước 4 : Xác định kiểu bài : bình giảng

Bước 5 : Tìm ý chính : Hồi tưởng cảnh châu Mộc đẹp  
mộc mạc núi rừng.

Bước 6 : Tìm ý phụ – ý nhỏ :

- cảnh chiều sương châu Mộc

- cảnh con người núi rừng chèo thuyền độc mộc
- cảnh bờ sông Mã đẹp về mặt rừng

Bước 7 : Tự kiểm tra.

#### *Bài tập thực hành mẫu số 4 – nghị luận chính trị xã hội*

Đề : Hãy giải thích câu khẩu hiệu thời nay : “Tất cả vì dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”. Qua những năm thời kì đổi mới, anh (chị) hãy chứng minh sự chuyển biến tốt đẹp của đất nước ta theo lời quyết tâm của khẩu hiệu trên.

*Việc thứ nhất : Tìm hiểu đề*

7 bước : Bước 1 : Kiểm tra đề

Bước 2 : Đọc kĩ đầu đề ít nhất 3 lần

Bước 3 : Gạch chân các chữ quan trọng :

- chữ “giải thích” và chữ “chứng minh” (chỉ kiểu bài)
- chữ “quyết tâm của khẩu hiệu” (chỉ ý chính) “dân giàu nước mạnh” “dân chủ” “công bằng” “văn minh” (chỉ ý phụ)
- chữ “chuyển biến tốt đẹp” (chỉ ý phụ)

Bước 4 : Xác định kiểu bài : Hồn hợp (vì cả giải thích và chứng minh)

Bước 5 : Tìm ý chính : Quyết tâm của khẩu hiệu

Bước 6 : Tìm các ý nhỏ – ý phụ

- dân giàu nước mạnh
- xã hội dân chủ
- xã hội công bằng

- xã hội văn minh
- chuyển biến trong thời kì đổi mới

Bước 7 : Tự kiểm tra.

*Bài tập thực hành mẫu số 5 – Nghị luận chính trị thời sự xã hội*

Đề : Bác Hồ đã nói : “Không có gì quý hơn độc lập tự do”. Hãy giải thích và chứng minh.

*Việc thứ nhất : Tìm hiểu đề*

7 bước :

Bước 1 : Kiểm tra đề

Bước 2 : Gạch chân các chữ quan trọng :

- Chữ “giải thích” và chữ “chứng minh” (chỉ kiểu bài)
- Chữ “Không có gì quý hơn” và “độc lập” và “tự do”

(Lưu ý : Không nên gạch bừa lung tung tất cả, vì như thế thì cũng như không gạch nhưng tùy dấu đề, tùy câu mà lựa chọn. Trong câu này rất khó có thể bỏ qua các từ quan trọng vì Bác nói thật là cô đọng. Vì vậy ta nên gạch cách đoạn chữ, từng mẫu một, không gạch một lèo. Ta nên gạch ba đoạn mẫu như trên để dễ phân biệt các ý).

Bước 4 : Xác định kiểu bài : Hồn hợp (GT + CM)

Bước 5 : Tìm ý chính : Giá trị của Độc lập – Tự do

Bước 6 : Tìm các ý nhỏ của ý chính + ý phụ :

- Giá trị của Độc lập
- Giá trị của Tự do
- Các sự kiện đấu tranh giành độc lập tự do của dân tộc ta.

Bước 7 : Tự kiểm tra.

## **2. Các đề ra sẵn để học sinh thực tập - tự rèn luyện**

Những chỗ bỏ trống hoặc chấm chấm nhằm để học sinh có thể điền vào ngay trong sách này.

*Đề thực tập tự luyện số 1 – Nghị luận .....*

Phân tích vẻ đẹp của anh bộ đội kháng chiến Cụ Hồ trong bài thơ *Tây tiến* của Quang Dũng :

7 bước tìm hiểu đề :

Bước 1 : .....

Bước 2 : .....

Bước 3 : .....

Bước 4 : .....

Bước 5 : .....

Bước 6 : .....

.....

.....

Bước 7 : .....

*Đề thực tập tự luyện số 2 – Nghị luận .....*

Bình giảng bài *Thu vịnh* của Nguyễn Khuyến.

7 bước tìm hiểu đề :

Bước 1 : .....



Bước 2 : .....

Bước 3 : .....

Bước 4 : .....

Bước 5 : .....

Bước 6 : .....

.....

.....

Bước 7 : .....

*Đethực tập tự luyện số 3 – Nghị luận .....*

Phn tích lòng yêu nước được thể hiện qua hai bài thơ *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi và *Đất nước* (trích trong *Mặt đường khát vọng*) của Nguyễn Khoa Điềm.

Vic thứ nhất : Tìm hiểu đề :

Bước 1 : .....

Bước 2 : .....

Bước 3 : .....

Bước 4 : .....

Bước 5 : .....

Bước 6 : .....

.....

Bước 7 : .....

*Đề thực tập tự luyện số 4 – Nghị luận .....*

Đề số 3 – Câu 2 – Tuyển sinh năm 1996 Đại học Quốc gia Hà Nội – Thời gian : 180 phút.

Phân tích nhân vật Hoàng trong truyện *Đôi mắt* của Nam Cao..

Việc thứ nhất : Tìm hiểu đề :

Bước 1 : .....

Bước 2 : .....

Bước 3 : .....

Bước 4 : .....

Bước 5 : .....

Bước 6 : .....

.....

Bước 7 : .....

## **II - VIỆC THỨ HAI : LÂM DÀN BÀI - DÀN Ý**

### **A - Tầm quan trọng của dàn bài - dàn ý**

*Dàn bài – dàn ý* là cái khung của một ngôi nhà, là bộ xương của thân con người. Nếu ngôi nhà có khung thấp thì nhà ắt thấp. Nếu bộ xương người cao, ắt là con người sẽ cao. Nhưng nếu người cao hay thấp thì có thể gầy hay béo. Vậy cái chất tạo nên béo gầy đó chính là lời văn, ý văn chứ không do dàn ý – dàn bài.

Vậy dàn ý – dàn bài là cái khung đảm bảo đủ ý hay không. Ví như cái khung nhà có đủ gian nhà, mái nóc ra sao. Ví như bộ xương một khi bị cong xương sống thì người đó ắt bị gù.

Người ta thường chỉ nhìn thấy cả cái nhà rồi khen đẹp hay xấu, nhìn con, người đó rồi khen hay chê rằng cao hay lùn, chứ đâu có biết cái khung nhà, cái bộ xương ra sao.

Đa số học sinh thường ít chú ý đến tác dụng của dàn bài – dàn ý không chịu làm dàn bài – dàn ý.

Ngay cả cụm từ dàn bài – dàn ý cũng là để nói rõ vấn đề (vì có nhiều học sinh cứ lầm lẫn không hiểu dàn bài có khác dàn ý không (?!)), không quan niệm được dàn bài – dàn ý như thế nào). Thực ra chỉ cần dùng một từ *dàn bài* là đủ nhưng vì thực trạng hiện nay trong giới học sinh nên tác giả đành phải cẩn thận dùng cả cụm từ này.

Vậy *dàn bài – dàn ý* là sự bố trí xếp đặt các phần ý, các ý của một bài tập làm văn.

*Dàn bài – dàn ý* là sự tập hợp đủ các yêu cầu chấm điểm chủ yếu trong biểu chấm điểm của giám khảo. Nếu thí sinh muốn đạt điểm theo yêu cầu của đề bài để đỗ đạt thì phải đáp ứng đủ và đúng.

Không có một dàn bài – dàn ý đúng, đủ thì thí sinh sẽ khó lòng đỗ đạt bài thi Văn đó.

Thí sinh sau khi thi xong một bài thi môn tự nhiên như Toán, Lý thì ra đến ngoài sân trường đều có khả năng biết mình trúng đỗ hay hỏng, trượt bài thi đó. Còn bài thi văn thì... chẳng biết bài mình làm ra sao mà phán quyết. Lý do chủ yếu là các bài toán, lý, hoá vốn có một cơ sở giải bài rất trình tự khoa học. Còn bài văn thì vì không có ý thức làm dàn bài – dàn ý nên chẳng phán đoán nổi vấn đề. Ý thức làm dàn bài – dàn ý rất non kém trong những năm gần đây.

Đã thế, khi giảng dạy về cách làm dàn bài thì có những học sinh hỏi : “Thưa thầy, thế giám khảo có chấm dàn bài không ạ ?” Và nếu được trả lời là “chỉ chấm bài văn chính thức còn dàn bài là để tự thí sinh thiết kế bài chính thức cho tốt” thì các học sinh đó tỏ ra chán nản vì làm dàn bài là ... vô ích. Thật là suy nghĩ nông cạn và nguy hiểm. Chính vì thế, bài văn đều đa số là dập khuôn các bài soạn trong sách tham khảo, chẳng biết kết cấu của nó ra sao. Gặp bài có in sẵn trong số đề đã ra ở sách tham khảo, hướng dẫn đề thi tuyển sinh vào những năm trước thì may ra còn làm được. Nếu gặp một đề lạ, thì chẳng biết sẽ xoay xử ra sao !

Muốn biết tác dụng của dàn bài – dàn ý ra sao xin tham khảo một biểu điểm chấm thi. Học sinh cần thấy rõ các phần ý tiêu chuẩn cho điểm vào bài thi của mình là có ở ngay trong dàn bài, cái điều có thể giáo dục cho một số học sinh đã nghĩ rằng “làm dàn bài không được chấm thì làm để có tác dụng gì”, “làm dàn bài làm gì cho nó mệt”.

### **Một biểu điểm chấm thi để giám khảo chấm bài cho thí sinh**

Đề thi Tốt nghiệp phổ thông trung học năm học 1993 – 1994

Môn thi : Làm văn (180 phút, không kể thời gian chép đề)

Học sinh chọn một trong hai đề sau :

#### **ĐỀ I**

Câu 2 (8 điểm) : Phân tích nội dung đã kích giàu tính chiến đấu và bút pháp nghệ thuật đặc sắc của truyện ngắn *Vi hành* (Nguyễn Ái Quốc).

*Biểu điểm chấm thi của Bộ Giáo dục và Đào tạo về câu 2, đề 1 như sau*

**A - YÊU CẦU CHUNG :** Nắm được truyện ngắn *Vi hành* của Nguyễn Ái Quốc, biết cách phân tích để làm rõ : nội dung đả kích giàu tính chiến đấu và bút pháp nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm này.

**B - YÊU CẦU CỤ THỂ :**

1. Nội dung đả kích giàu tính chiến đấu

1.1. Vạch trần chân tướng bỉ ổi của tên vua Khải Định (từ bộ dạng lố bịch, thói xa hoa, dằng dặc đến bản chất bù nhìn của y).

1.2. Lật tẩy âm mưu bịp bợm của bọn thực dân trong việc đưa Khải Định sang Pháp và đả kích việc chúng kiểm soát gắt gao những người Việt Nam yêu nước trên đất Pháp.

2. Nghệ thuật đặc sắc : Việc tạo tình huống nhảm lẫn (nhảm tác giả với Khải Định đi “vi hành”), dùng hình thức viết thư (cho cô em họ)... bằng một bút pháp trào phúng, châm biếm đa dạng, linh hoạt.

**C - TIÊU CHUẨN CHO ĐIỂM :**

**Điểm 8 :**

- Đáp ứng được những yêu cầu nêu trên.
- Kết cấu chặt chẽ, hợp lí.
- Diễn đạt tốt. Văn viết giàu cảm xúc. Có thể mắc một vài sai sót không đáng kể.

**Điểm 6 :**

- Đáp ứng phần lớn những yêu cầu nêu trên.
- Kết cấu rõ.
- Diễn đạt tương đối tốt. Có thể mắc một số ít lỗi diễn đạt.

#### Điểm 4 :

- Nắm được đại thể nội dung chính và giá trị nghệ thuật của tác phẩm. Tuy nhiên còn nặng về phân tích nội dung mà chưa nêu được đặc sắc của bút pháp nghệ thuật hoặc chỉ nêu được một số ý ở phần 1 và một số ý ở phần 2 (mục B).
- Nhìn chung diễn đạt được ý nhưng còn lúng túng. Không mắc nhiều lỗi diễn đạt.

#### Điểm 2 :

- Chưa nắm được tác phẩm
- Diễn đạt quá kém.

Rút ra những điều kết luận cần thiết cho việc *làm dàn bài* qua *hướng dẫn chấm và tiêu chuẩn điểm* (gọi ngắn gọn là *biểu điểm*) của Đề thi TNPTTH 1993 – 1994.

*Kết luận 1* : Trong biểu điểm, có mục A – Yêu cầu chung, ghi như sau : ... biết cách phân tích để làm rõ : nội dung đả kích giàu tính chiến đấu và bút pháp nghệ thuật đặc sắc .....

Rõ ràng biểu điểm đã nêu rõ *ý chính* mà thí sinh học sinh làm trong việc *thứ nhất – Tìm hiểu đề* để đưa vào *dàn bài*. Đó là “nội dung đả kích giàu tính chiến đấu và bút pháp nghệ thuật đặc sắc”.

*Kết luận 2* : Muốn không bị lạc đề, muốn không bị lúng túng choáng ngợp vì nội dung bài làm, bài thi thì chẳng có gì tốt hơn là cứ *tìm hiểu đề* cho kĩ, cho đúng như sách này đã hướng dẫn. Kiểu bài cũng ở đấy, *ý chính* cũng ở đấy. Một khi người ra đề, Bộ ra đề thì bao giờ cũng kèm theo *biểu điểm* để chấm. Mà *biểu điểm* thì lại nằm trong đề thi, do ta *tìm hiểu đề* và *làm dàn bài* sẽ có đủ và đúng. Có và hiểu rõ *biểu điểm* trong tay thì sẽ đạt điểm tốt, điểm



cao. Không hoang mang, làm bài mò mẫm, theo “phao cứu sinh photocopy nhỏ xíu” nữa.

Tác giả sách này mong mỗi một ngày nào đó khi các học sinh con cháu chúng ta đọc đến cái từ “phao cứu sinh photocopy nhỏ xíu” thì không hiểu gì nữa, phải đi tìm “tự điển tiếng lóng” hoặc hỏi các... bậc cha anh ngày xưa đã từng dùng “phao cứu sinh photocopy nhỏ xíu” thì mới hiểu nổi.

*Kết luận 3* : Đọc đoạn B – Yêu cầu cụ thể của biểu điểm thì thấy ghi như sau :

“1. Nội dung đã kích giàu tính chiến đấu

1.1. Vạch trần chân tướng bỉ ổi của tên vua Khải Định (từ bộ dạng lỗ lịch, thói xa hoa, dằng dặc đến bản chất bù nhìn của y).

1.2. Lật tẩy âm mưu bịp bợm của bọn thực dân trong việc đưa Khải Định sang Pháp và đã kích việc chúng kiểm soát gắt gao những người Việt Nam yêu nước trên đất Pháp.

2. Nghệ thuật đặc sắc : Việc tạo tình huống nhằm lẫn (nhằm tác giả với Khải Định đi “vi hành”), dùng hình thức viết thư (cho cô em họ)... bằng một bút pháp trào phúng, châm biếm đa dạng, linh hoạt.”

Ta rút mấy ý sau đây :

– Dàn bài có ý *chính* thì chính là 2 vấn đề mang số 1 và 2 của *biểu điểm*.

– Trong các điều hướng dẫn, ta thấy rõ các ý *phụ* – ý *nhỏ* là :

+ Vạch trần ...

+ Lật tẩy ...

+ Việc tạo tình huống ...

và cả ý chi tiết là :

+ từ bộ dạng lối bịch

.....

+ nhảm tác giả với Khải Định ...

*Kết luận 4 :*

Thí sinh muốn được điểm bao nhiêu thì hãy xem mục C – Tiêu chuẩn cho điểm của biểu điểm như sau :

Điểm 8 :

- Đáp ứng được những yêu cầu nêu trên
- Kết cấu chặt chẽ ...

Điểm 6 :

- Đáp ứng phần lớn những yêu cầu nêu trên
- Kết cấu rõ ...

Điểm 4 :

- Nắm được đại thể nội dung chính và giá trị nghệ thuật của tác phẩm. Tuy nhiên còn nặng về phân tích nội dung mà chưa nêu được đặc sắc của bút pháp nghệ thuật hoặc chỉ nêu được một số ý ở phần 1 và một số ý ở phần 2 (mục B).

Rút ra kết luận :

a/ Phải đáp ứng đủ và đúng ý chính – ý phụ – ý nhỏ – ý chi tiết mà biểu điểm nêu là “những yêu cầu trên”.

b/ Kết cấu ...

Rõ ràng đó là kết cấu của một dàn bài hợp lí.

Những gì thí sinh học sinh làm theo cách *Tìm hiểu đề* và *dàn bài* theo phương pháp của sách này sẽ phù hợp với *biểu điểm*.

Hãy nạnh dạn tiến lên chiếm điểm cao, điểm tốt vì bản thân mình *đạt* tuân thủ cách *tìm hiểu đề* và *làm dàn bài*.

Muối củng cố thêm lòng tin về phương pháp *tìm hiểu đề* và *làm dàn bài* ta hãy xem, nghiên cứu tiếp một *biểu điểm* nữa !

**Biểu điểm của đề 2 – Câu 2 – Đề thi Tốt nghiệp PTTH năm học 1993 – 1994.**

Câu 2(8 điểm) :

Phân ch đoạn thơ sau đây trong bài *Tiếng hát con tàu* của Chế Lan Viên :

*Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ  
Cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa  
Như đứa trẻ thơ đói lòng gặp sữa  
Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa.*

*Con nhớ anh con, người anh du kích  
Chiếc áo nâu anh mặc đêm công đồn  
Chiếc áo nâu, suốt đời vá rách  
Đêm cuối cùng anh cởi lại cho con.*

*Con nhớ em con, thằng em liên lạc  
Rừng thưa em băng, rừng rậm em chờ  
Sáng bản nam, chiều em qua bản bắc  
Mười năm tròn ! Chưa mất một phong thư.*

*Con nhớ mẹ ! Lửa hồng soi tóc bạc  
Năm con đau, mẹ thức suốt một mùa dài  
Con với mẹ không phải hòn máu cắt  
Nhưng trọn đời con nhớ mãi ơn nuôi.*

*Nhớ bản sương giăng, nhớ đèo mây phủ  
Nơi nào qua, lòng lại chẳng yêu thương ?  
Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở  
Khi ta đi, đất bỗng hoá tâm hồn !*

(Theo Văn 12 - NXB Giáo dục 1994,  
tr. 117 - 118).

*Biểu điểm của câu 2 - Đề 2 này như sau :*

#### **A - YÊU CẦU CHUNG :**

Biết cách phân tích thơ theo đúng đặc trưng thể loại để làm rõ giá trị đặc sắc của đoạn thơ ở cả phương diện nội dung lẫn nghệ thuật.

#### **B - YÊU CẦU CỤ THỂ :**

Học sinh có thể trình bày, cảm thụ theo nhiều cách nhưng cần nêu được :

##### **1. Về nội dung :**

1.1. Khát vọng trở về với nhân dân như về với ngồn ngộn cuộc đời sống.

1.2. Nỗi nhớ và lòng biết ơn của nhà thơ về những hi sinh thầm lặng lớn lao của nhân dân.

1.3. Nỗi nhớ và sự gắn bó thiết tha của tác giả đối với đất nước

## 2. Về nghệ thuật :

Các thủ pháp xây dựng hình ảnh lối so sánh, biện pháp điệp trùng, điệp điệu tha thiết, chân thành và cách khái quát giàu tính triết lý

### C - TIÊU CHUẨN CHO ĐIỂM :

#### Điểm 8 :

- Đáp ứng được những yêu cầu nêu trên. Phân tích tinh tế. Văn viết giàu cảm xúc.
- Kết cấu chặt chẽ, hợp lí.
- Diễn đạt tốt
- Có thể mắc một vài sai sót không đáng kể.

#### Điểm 6 :

- Đáp ứng phần lớn những yêu cầu nêu trên
- Kết cấu rõ
- Diễn đạt tương đối tốt
- Có thể mắc một số ít lỗi diễn đạt.

#### Điểm 4 :

- Còn nặng về phân tích nội dung mà chưa nêu được những đặc sắc nghệ thuật hoặc làm bài còn sơ sài. Nhưng nhìn chung, không hiểu sai ý của bài thơ.
- Diễn đạt được ý.
- Không mắc nhiều lỗi diễn đạt.

#### Điểm 2 :

- Hiểu sai nội dung đoạn thơ, không biết cách phân tích.
- Diễn đạt quá kém.

Rút ra những kết luận cần thiết cho phương thức *tìm hiểu đề* và *làm dàn bài* từ biểu điểm chấm câu 2, đề 2 Tốt nghiệp PTTH năm 1993 – 1994.

*Kết luận 1* : Với những yêu cầu cụ thể trong *biểu điểm* của Bộ, rõ ràng thí sinh học sinh phải làm được trong lúc *tìm hiểu đề* và *làm dàn bài*, phải tìm các *ý chính, ý phụ, ý nhỏ* như sau :

– *Ý chính* : Khát vọng gắn bó với nhân dân

– *Ý phụ – ý nhỏ* :

+ Khát vọng trở về với nhân dân

+ Nỗi nhớ và biết ơn

+ Gắn bó

*Kết luận 2* : Tiêu chuẩn cho điểm nào cũng phải đề cập đến “*kết cấu chặt chẽ hợp lí*”, “*kết cấu rõ*” nghĩa là các phần của một dàn bài hợp lí đúng đắn mà học sinh đã có công tìm và làm ra. Có công làm ắt có phần thưởng.

*Kết luận 3* : Trong tiêu chuẩn điểm 4 có nêu : “Còn nặng về phân tích nội dung mà chưa nêu được những đặc sắc nghệ thuật”. Rõ ràng đó là 2 phần ý của dàn bài này, một dàn bài kiểu  *bình giảng* ắt phải có hai phần ý nội dung : Phân tích nội dung và phân tích nghệ thuật. Nếu học sinh thí sinh nào đó đã không tìm hiểu đề cẩn thận và làm dàn bài cẩn thận đúng đắn thì sẽ rơi vào điểm... 4.

**Tổng hợp chung về sự tham khảo các biểu điểm chấm bài thi của Bộ GD – ĐT.**

Việc *tìm hiểu đề* và *làm dàn bài* là con đường dẫn đến đích thắng lợi. Nhìn những biểu điểm trên, ta thấy rõ cái đích cụ thể đã có



trong đó. Đừng vu vơ, đi làm những việc sai trái vô ích khác mà mọi khi học sinh vốn đã quen làm.

Xin hãy dùng cảm chữa các tật lỗi của mình trong cách làm bài tập làm văn nghị luận.

## **B - Cơ sở để làm dàn bài**

Muốn làm dàn bài phải dựa vào các cơ sở sau đây :

1. Qua việc *tìm hiểu đề* xem bài làm văn này :

- Ý chính là gì ?
- Có bao nhiêu ý phụ - ý nhỏ ?
- Kiểu bài gì ?
- Có liên hệ tư tưởng gì không ?

Vì đề mục ý đã có ở việc thứ nhất tìm hiểu đề là nội dung thiết kế một dàn bài.

2. Dựa vào kiến thức đã học ở văn học sử, giảng văn.

3. Nếu gặp đề nghị luận xã hội chính trị thời sự thì học sinh phải dựa vào :

- các kiến thức đã biết khi học môn chính trị ở trường lớp
- các kiến thức đã biết khi đọc báo, xem ti vi, dự mít tinh kỉ niệm Đảng, Đoàn, các cuộc lễ lớn kỉ niệm cách mạng và lễ hội dân tộc...
- các kiến thức khi quan sát cuộc đời xung quanh ta.

4. Nếu gặp phải đề dấu ẩn kiểu bài, nội dung thì chỉ có cách như cách đã nêu là “dựa vào *tìm hiểu đề*”.

## C - Cách làm dàn bài – dàn ý

### 1. Nguyên tắc chung :

a) Dàn bài không được viết thành câu văn mà chỉ viết ý ngắn gọn theo số mục lớn đến nhỏ như trình tự sau : I, II, III – 1, 2, 3 – a, b, c.

b) Phải ghi rõ số mục các ý để tránh khi làm bài bị rối trí hoảng loạn sẽ không biết dựa vào đâu mà viết cho đầy đủ, rõ ràng khoa học. Nếu không viết rõ số mục ở dàn bài khi làm bài chính thức sẽ dễ bị viết lộn xộn, đáng lý ý đó ở trên thì viết xuống dưới, đáng lý ý đó chỉ cần viết ngắn lại viết quá dài dòng lẫn hết ý lớn ở dưới.

c) Phải ghi cả trích dẫn cần thiết sau mỗi ý phụ nhưng không được chép cả câu trích dẫn. Câu trích dẫn đó sẽ chép chính thức vào bài văn để nộp. Chỉ viết hai chữ đầu trích dẫn để giữ đúng, khỏi nhầm lẫn lung tung khi viết bài chính thức. Thí dụ : Câu trích dẫn là “áo bào thay chiếu anh về đất” thì chỉ ghi vào dàn bài, sau ý nhỏ hai chữ đầu là “áo bào” mà thôi.

Lý do : không có đủ thời gian. Vì khi thi sẽ bị khống chế về số phút nhất định, 180 phút hoặc 240 phút là cùng.

Nếu khi học ở trường lớp có bài tập làm văn về nhà, một khi đã có nhiều thời gian cũng chỉ nên viết hai chữ đầu trích dẫn mà thôi. Vì nếu rèn cho mình thói quen viết dài cả câu trích dẫn, sẽ bị rơi vào tình cảnh “đầu voi đuôi chuột” khi thời gian bó hẹp trong số phút nhất định, viết quá dài ý trên thì bỏ cụt, thiếu ý sau.

d) Dàn bài chỉ viết dài tối đa là 1 trang giấy học trò mà thôi.

Tác giả đã gặp trường hợp một thí sinh gái đã phải nhăn nhó xin nộp một cái dàn bài viết quá chi tiết đến ba trang giấy kìm mít những chữ là chữ vì... hết giờ.

e) thời gian dùng cho việc viết dàn bài tối đa là  $1/5$  giờ thi.

Thí dụ thi trong 180 phút thì  $180/5 = 36$  phút (coi như là 40 phút) Nếu bài thi 240 phút thì  $240/5 = 48$  phút (coi như 50 phút).

## 2. Cách viết cụ thể dàn bài

a) *Thói quen cũ*, xưa nay là viết theo lối *hàng ngang*. Nghĩa là viết hết phần *đặt vấn đề* (mở bài) thì mới viết sang phần *giải quyết vấn đề* (thân bài)... *kết thúc vấn đề* (kết luận). Xem ra có vẻ thuận chiều quy củ lắm.

Nhưng bạn sẽ thấy, giỏi lắm thì viết được  $2/3$  còn không thì được  $1/2$  rồi sau đó nhào ngay vào viết bài chính thức vì thấy bạn ngồi bên cạnh đã viết được một trang rồi. Cứ nhào vô mà viết, chẳng cần biết trời đất đang xoay vần đến đâu. Và rồi kết quả là được một bài tập làm văn... cắt đuôi... hoặc... teo đuôi.

Vậy nên viết như thế nào ?

b) *Phải viết theo lối hàng dọc*. Vì viết theo lối hàng dọc thì không bao giờ bị cắt đuôi. Chỉ có thể bị giảm ý chi tiết, thiếu trích dẫn cứ không bị mất hẳn cả đoạn phần ý bài văn. Mất cả đoạn ý thì dứt khoát là sẽ bị điểm kém, còn thiếu một vài trích dẫn thì cũng chưa đến nỗi nào, chỉ không được điểm cao và như thế còn có khả năng. Dĩ nhiên nếu học sinh rèn luyện tới thì sẽ không bị thiếu ý chi tiết, trích dẫn. Viết thiếu ý chi tiết, trích dẫn là do lỗi của học sinh chứ không phải là do phương thức viết dàn bài theo lối hàng dọc !

c) *Cách viết theo phương thức hàng dọc :*

– hoạt đầu vào viết dàn bài thì viết luôn một lúc cả 3 chữ :

I/ ĐVĐ (tức là đặt vấn đề - mở bài)

II / GQVĐ (tức là giải quyết vấn đề - thân bài)

III/ KTVĐ (tức là kết thúc vấn đề - kết luận)

theo khoảng cách nhau hàng dọc phía bên trái trang giấy viết dàn bài. Quy tắc viết cách quãng xa nhau hàng dọc là I/ ĐVĐ 1 phần, II/ GQVĐ 8 phần, III/ KTVĐ 1 phần. Xin đặt tên cho *cột hàng dọc này là cột hàng dọc thứ nhất và viết tắt là HD 1. Nhiệm vụ chính là viết ra ý chính. Để học sinh nắm vững có thể gọi tắt là HD1 – ý chính.*

Xin xem mẫu sau đây của HD1 :

Dàn bài : (khi viết HD1 - Ý chính)

I/ ĐVĐ :

1 phần khoảng rộng

II/ GQVĐ :

8 phần khoảng rộng

III/ KTVĐ :

1 phần khoảng rộng

Lý do viết phần GQVĐ rộng đến 8 phần thì chắc học sinh thừa hiểu là vì phần GQVĐ là phần chứa đựng toàn bộ nội dung bài văn thi. Ấy thế mà có nhiều trường hợp học sinh viết phần GQVĐ trong bài làm chính thức quá đơn sơ đến mức chẳng dài gì hơn phần ĐVĐ và KTVĐ.

– Trong HD1 đó phải viết luôn sau dấu hai chấm tiếp sau các chữ ĐVĐ – GQVĐ – KTVĐ là các chữ *ý chính* đã tìm thấy ở việc thứ nhất *tìm hiểu đề*.

*Th dụ* : Lấy đề thực hành mẫu số 1 đã nêu ở trang sách trên, để tuyển sinh 2001 – Đại học Văn hoá Hà Nội, phân tích bài “Chiết tối” của Hồ Chủ tịch. Ta sẽ viết như sau để hoàn chỉnh HD1 :

*Đài bài (ứng dụng thực hành khi viết HD1 - ý chính) :*

I/ ĐVĐ : Vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ

II/ GQVĐ : Vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ

III/ KTVĐ : Vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ

Tóm lại, công thức *HD1 - ý chính* như sau :

I/ ĐVĐ : Chữ *ý chính*

1 phần khoảng rộng

II/ GQVĐ : Chữ *ý chính*

8 phần khoảng rộng

III/ KTVĐ : Chữ *ý chính*

1 phần khoảng rộng

– Sau khi viết cột hàng dọc thứ nhất *HD1 - ý chính* một cách hoàn chỉnh như kiểu cách đã nêu ở trên thì học sinh phải viết *cột hàng dọc thứ hai, viết tắt là HD2, nhiệm vụ chính là viết ra các ý phụ, ý nhỏ* nên có thể viết tắt *HD2 - ý phụ, ý nhỏ* như sau.

– Chỉ viết ở phần GQVĐ, không viết ở phần ĐVĐ và KTVĐ nữa.  
**Viết số mục** : cho ý phụ, ý nhỏ, dùng số Ả-rập : 1, 2, 3, 4... (vì HD1 đã dùng số La Mã I, II, III).

- Viết các số mục Arập 1, 2, 3, ... dó dưới chữ *ý chính*. Viết cách quãng tùy theo ý phụ ý nhỏ dó nhiều hay ít, quan trọng chủ yếu hay thứ yếu theo như việc tìm hiểu đề đã làm ở trên.

- Viết ngay chữ *ý phụ, ý nhỏ* (đã tìm thấy ở việc thứ nhất tìm hiểu đề) vào ngay sau số Arập này.

Công thức viết HD2 – ý phụ, ý nhỏ như sau :

Thí dụ :

I/ ĐVĐ : Chữ *ý chính*

II/ GQVĐ : Chữ *ý chính*

1. Chữ *ý phụ 1*

2. Chữ *ý phụ 2*

(ý quan trọng chủ yếu thì để khoảng rộng của số mục dài hơn số mục khác thứ yếu).

3. Chữ *ý phụ 3*

III/ KTVĐ : Chữ *ý chính*

1 phần khoảng rộng

Lấy đề thực hành 1 nêu trên làm thí dụ mẫu

*Dàn bài (khi viết đến HD2 – ý phụ, ý nhỏ).*

I/ ĐVĐ : Vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ

II/ GQVĐ : Vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ

1. tình yêu thiên nhiên

2. tình yêu cuộc sống

III/ KTVĐ : Vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ



- Sau khi viết xong HD2 thì viết tiếp *hàng dọc thứ ba HD3 - ý chi tiết, nên có thể viết tắt là HD3 - ý chi tiết* như kiểu cách sau đây : viết các ý chi tiết do việc học của mình ở trường lớp bằng cách dùng các mẫu tự chữ con a, b, c (không dùng mẫu tự chữ hoa A, B, C) sau chữ *ý phụ, ý nhỏ* của HD2.

Công thức khi viết HD3 - ý chi tiết.

Thí dụ :

*Dàn bài (khi viết đến HD3 - ý chi tiết).*

I/ ĐVĐ : Chữ ý chính

II/ GQVĐ : Chữ ý chính

1. Chữ ý phụ - ý nhỏ 1 : a/ ý chi tiết

b/ (do việc học nắm vững  
bài ở trường)

c/

2. Chữ ý phụ - ý nhỏ 2 : a/ ý chi tiết

b/ (do việc học nắm vững  
bài ở trường)

c/

III/ KTVĐ : Chữ ý chính

Lấy đề số 1 thực hành nêu trên là mẫu thí dụ :

*Dàn bài (khi viết đến HD3 - ý chi tiết)*

I/ ĐVĐ : Vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ

II/ GQVĐ : Vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ

1. tình yêu thiên nhiên : a/ chim rừng

b/ mây trời

2. tình yêu cuộc sống : a/ người lao động

b/ sức sống

### III/ KTVĐ : Vẽ đẹp tâm hồn của nhà thơ

– Viết tiếp đến *cột hàng dọc thứ tư cuối cùng*, viết tắt là *HD4*, nhiệm vụ chủ yếu là *viết trích dẫn*, nên có thể viết tắt là *HD4 – trích dẫn* như sau :

- Viết sau chữ ý chi tiết của HD3
- Viết hai chữ cần thiết của trích dẫn sẽ đưa vào cho phù hợp ý văn chi tiết đó.
- Chỉ viết dấu gạch đầu dòng

Thí dụ :

Viết chữ “chim mồi” sau chữ a/ chim rừng

Viết tiếp chữ “chòm mây” thẳng hàng dọc dưới chữ “chim mồi” sau chữ b/ mây trời.

Viết chữ “cô em” sau chữ a/ người lao động

Viết chữ “rực hồng” thẳng hàng dọc dưới chữ “cô em” sau chữ b/ sức sống.

Công thức viết HD4 - trích dẫn như sau :

*Dàn bài (khi viết đến HD4 – trích dẫn) :*

I/ ĐVĐ : Chữ ý chính

II/ GQVĐ : Chữ ý chính

1. Chữ ý phụ – ý nhỏ 1 :

a/ Ý chi tiết : hai chữ đầu của trích dẫn

b/ Ý chi tiết 2 : hai chữ đầu của trích dẫn

2. Chữ ý phụ - ý nhỏ 2 :

a/ Ý chi tiết : hai chữ đầu dòng của trích dẫn

b/ Ý chi tiết : hai chữ đầu dòng của trích dẫn

II/ KTVĐ : Chữ ý chính

Lấy đề thực hành số 1 đã nêu trên làm mẫu

*Đạo bài (khi viết đến HD4 - trích dẫn)*

I/ ĐVĐ : Về đẹp tâm hồn của nhà thơ

II/ GQVĐ : Về đẹp tâm hồn của nhà thơ

1. tình yêu thiên nhiên : a/ chim rừng : - chim mỗi

b/ mây trời : - chòm mây

2. tình yêu cuộc sống : a/ người lao động : - cô em

b/ sức sống : - rục hồng

III/ KTVĐ : Về đẹp tâm hồn của nhà thơ

Đn đây coi như đã viết xong dàn bài.

Xn đừng coi thường cái dàn bài : trông đơn sơ như vậy mà đã đảm bảo đủ ý của bài văn rồi.

Bây giờ chỉ cần viết văn sao cho hay. Ý như đã có bộ xương cao đẹp rồi thì bây giờ phải tẩm bổ sao cho thịt da béo đẹp để có một thân mình cường tráng. Trước khi viết văn, ta cần nắm vững cách thể hiện dàn bài vào trong bài văn.

## **D - Dàn bài đại quát từng kiểu**

### ***Giải thích về dàn bài đại quát***

Vì đây là lí thuyết chung về kiểu bài, chưa phải là dàn bài cụ thể của một đề cụ thể nên sách chỉ nêu ra những điểm khái quát chung các ý nên gọi là *dàn bài đại quát*.

Khi ứng dụng thì lắp ghép các ý vào sao cho đúng vấn đề của kiểu bài.

Nguyên tắc vẫn là viết theo lối hàng dọc. Bỏ cách viết hàng ngang cũ kĩ dễ sa vào tình trạng “dài đầu cụt đuôi”, ý trên thì phong phú, ý sau chủ yếu thì mờ nhạt.

### ***1. Kiểu bài giải thích (GT)***

#### ***HD1 – Ý chính :***

- I/ ĐVĐ :      – nhắc lại câu nhận định
- nêu ra từ ý chính

- II/ GQVĐ :    – Từ ý chính

- III/ KTVĐ :    – Ý chính

- Tổng hợp chung
- Liên hệ tư tưởng

#### ***HD2 – Ý phụ – ý nhỏ***

- 1. Giảng nghĩa :    – nghĩa đen
- nghĩa bóng

2. Tìm ra vấn đề lí luận :

a/ Vấn đề một :

b/ Vấn đề hai :

c/ Vấn đề ba :

3. Tóm tắt ý nghĩa của vấn đề giải thích

### *HD3- Ý chi tiết*

+ ý chi tiết của a/ VĐ một

+ ý chi tiết của b/ VĐ hai

+ ý chi tiết của c/ VĐ ba

### *HD4- Trích dẫn*

(Chỉ ghi 2 chữ đầu của trích dẫn vào sau ý chi tiết).

Trọng tâm của dàn bài đại quát kiểu bài giải thích (GT) là ý phụ ý nhỏ 2 tìm ra vấn đề lí luận.

## **2. Kiểu bài chứng minh (CM)**

### *HD1- Ý chính :*

I/ ĐVĐ :      - nhắc lại câu nhận định của đề  
                    - nêu ý chính

II/ GQVĐ : - Nêu ý chính

III/ KTVĐ : - Tóm tắt

                    - Nêu ý chính

## HD2 – Ý phụ – ý nhỏ

I/ ĐVĐ :

II/ GQVĐ : Ý chính :

1. Chứng minh ý 1 :

2. Chứng minh ý 2 :

3. Chứng minh ý 3 :

.....

III/ KTVĐ :

## HD3 – Ý chi tiết

(Ghi sau ý phụ, ý nhỏ)

1. Chứng minh ý 1 : a/ .....

b/ .....

c/ .....

2. Chứng minh ý 2 : a/ .....

b/ .....

c/ .....

3. Chứng minh ý 3 : a/ .....

b/ .....

c/ .....

## HD4 - Trích dẫn

(Chỉ ghi sau các a/ ..., b/ ..., c/ ... hai chữ đầu của trích dẫn).

Trọng tâm của dàn bài đại quát kiểu chứng minh (CM) là chứng minh các ý 1, 2, 3.



### 3. Kiểu bài phân tích

#### HD1 - Ý chính :

I ĐVĐ : - Nhắc lại câu nhận định (nếu có trong đề)

- Ý chính

II/ GQVĐ : - Ý chính

III/ KTVĐ : - Ý chính

- Liên hệ tư tưởng

#### HD2 - Ý phụ, ý nhỏ

I ĐVĐ :

II/ GQVĐ : Ý chính

#### A/ TÌM RA VẤN ĐỀ

1. Vấn đề 1 :

2. Vấn đề 2 :

3. Vấn đề 3 :

.....

#### B/ TỔNG HỢP TÓM TẮT VẤN ĐỀ THÀNH LÍ LUẬN

III/ KTVĐ : Ý chính

#### HD3 - Ý chi tiết

I ĐVĐ :

II/ GQVĐ :

1/ ..... : a/ ý chi tiết a :  
b/ ý chi tiết b :  
.....

2/ ..... : a/ ý chi tiết a :  
b/ ý chi tiết b :  
c/ ý chi tiết c  
.....

3/ ..... : a/ ý chi tiết a :  
b/ ý chi tiết b :  
c/ ý chi tiết c  
.....

### III/ KTVĐ :

#### *HD4 – Trích dẫn*

(Chỉ ghi sau ý kiến a, b, c... hai chữ đầu trích dẫn).

Trọng tâm của bài đại quát kiểu bài phân tích (PT) là A/  
Tìm ra các vấn đề.

Ghi chú về kiểu bài phân tích nhân vật : Khi gặp kiểu bài PTNV  
thì các vấn đề tìm ra là các “đặc điểm 1, đặc điểm 2, ...”.

#### **4. Kiểu bài bình giảng**

##### *HD1 – Ý chính*

I/ ĐVĐ : – Nhắc lại giới thiệu đoạn văn, đoạn thơ và  
nhận định có trong đề.

– nêu ý chính.

II/ GQVĐ : Ý chính

III/ KTVĐ : – Tổng hợp ý chính

– liên hệ tư tưởng

*HD – Ý phụ, ý nhỏ*

I/ ĐVĐ :

II/ GQVĐ : Ý chính

1. Giảng nghĩa đoạn thơ, đoạn văn
2. Tìm ra những vấn đề nội dung theo ý chính mà đầu đề yêu cầu.
3. Tìm ra những vấn đề nghệ thuật

.....

III/ KTVĐ :

*HD – Ý chi tiết*

I/ ĐVĐ :

II/ GQVĐ : Ý chính

1. Giảng nghĩa :

a/ nghĩa đen

b/ nghĩa bóng

2. Tìm ra những vấn đề nội dung :

a/ Vấn đề a :

b/ Vấn đề b :

c/ Vấn đề c :

.....

.....

3. Tìm ra những vấn đề nghệ thuật :

a/ nghệ thuật a :

b/ nghệ thuật b :

.....

III/ KTVĐ : – Tổng hợp chung về nội dung + nghệ thuật

– Liên hệ tư tưởng

*HD4 – Trích dẫn*

(Chỉ ghi sau các ý chi tiết a, b, c,... hai chữ đầu của trích dẫn)

Trọng tâm của dàn bài đại quát kiểu bài bình giảng là ý 2/ Tìm ra những vấn đề nội dung.

## **5. Kiểu bài bình luận**

*HD1 – Ý chính*

I/ ĐVĐ : – Nhắc đến nhận định có trong đề

– Nêu ý chính

II/ GQVĐ : Ý chính

III/ KTVĐ : – Ý chính

– Liên hệ tư tưởng

*HL2 – Ý phụ, ý nhỏ*

I/ ĐVĐ : – Nhắc nhận định

– Ý chính

II/ GQVĐ : Ý chính

1. Bình : đúng – sai như thế nào ?

2. Luận :

3. Tóm tắt lí luận :

III/ KTVĐ : – Ý chính

– Liên hệ tư tưởng

*HL3 – Ý chi tiết*

I/ ĐVĐ : – Nhắc lại nhận định

– Ý chính

## II/ GQVĐ : – Ý chính

1. Bình :

2. Luận :

a/ Bàn bạc vấn đề của ý chính : nên ra sao ?

b/ Lí luận phê phán có tính chất nguyên tắc : vấn đề ý chính mang quan điểm gì, tư tưởng gì, tốt xấu, đúng sai.

3. Tóm tắt lí luận :

## III/ KTVĐ : – Ý chính

– Liên hệ tư tưởng

### HD4 – TD

(Chỉ ghi sau các ý chỉ tiết hai chữ đầu của trích dẫn)

Trọng tâm của dàn bài đại quát bình luận là 2/ luận.

### 6. Kiểu bài hỗn hợp

Vì là kiểu bài hỗn hợp nên dàn bài là sự kết hợp tính chủ yếu, phân trọng tâm của dàn bài từng kiểu tùy theo sự hỗn hợp đó.

Đề bài hỗn hợp thường chỉ ra đến mức 2 kiểu trở lên như GT + CM hoặc CM + BL, không ai ra đến mức 3, 4 kiểu một lúc vì như thế là không sát đối với sức lực trình độ một học sinh. Tuy thế, có một kiểu bài ra đề hỗn hợp ẩn (tức là không nêu rõ kiểu bài gì... là... loại đề thi không nói gì, không nêu kiểu gì).

*Thí dụ 1.* “Nhân sinh quan cách mạng trong tập thơ *Từ ấy*”..



Đề thi chỉ vòn vẹn có vậy ! Chẳng thấy nêu ra kiểu gì cụ thể cả.

*Th dụ 2.* “Những sáng tạo độc đáo của Nguyễn Ái Quốc trong truyện ngắn *Vi hành*”.

*Th dụ 3.* “Những giá trị tư tưởng và nghệ thuật của thơ lãng mạn qua một số tác phẩm của Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử thời kì 1930 - 1945”.

Vì thế, tác giả sách này có lời... thông báo... trước về kiểu ra đề này để thí sinh học sinh... chuẩn bị mà rèn luyện.

Trình tự viết dàn bài kiểu bài hỗn hợp cũng vẫn như sách đã dẫn, theo lối viết hàng dọc như sau :

### *HLI – Ý chính*

I/ ĐVĐ : – Nhắc lại nhận định có trong đề

– Nêu ý chính

II/ GQVĐ : Ý chính

III/ KTVĐ : – Ý chính

– Liên hệ tư tưởng.

### *HD – Ý phụ, ý nhỏ*

I/ ĐVĐ : – Nhắc lại nhận định có trong đề

– Ý chính

II/ GQVĐ : – Ý chính

1. GT :

2. CM :

3. BL :

III/ KTVĐ : – Ý chính

– Liên hệ tư tưởng

*HD3 – Ý chi tiết*

I/ ĐVĐ : – Nhắc lại nhận định

– Ý chính

II/ GQVĐ : Ý chính

1. GT :

a/ Giảng nghĩa đen + bóng

b/ Lí luận làm sáng rõ các vấn đề nội dung

2. CM :

a/ Xác nhận các vấn đề nội dung

b/ Dẫn chứng chứng minh

3. BL :

a/ Bình : đúng, sai

b/ Luận : bàn bạc, nên, phải, cần noi theo, cần  
tiêu diệt xoá bỏ...

III/ KTVĐ : – Tổng hợp nội dung

– Ý chính

(Cử ghi sau các ý chi tiết hai chữ đầu của trích dẫn).

Trọng tâm của dàn bài đại quát hỗn hợp là  $1b + 2b + 3b$ .

### III - VIỆC THỨ BA : NHÁP

#### A- Tầm quan trọng của việc nháp

*Nháp tức là khơi mạch văn để viết thành bài chính thức.*

*Nháp là nhằm biết được bài văn mình đang viết sai đúng ra sao mà kịp thời uốn nắn sửa chữa.*

Không có một ai làm công việc mà không... nháp !

Nếu một bữa ăn thì bà nội trợ, ông đầu bếp cũng phải... nháp, tức là cả hành, thái thịt, trước khi nấu nướng và dọn ăn.

Xây một toà nhà thì phải chuẩn bị... tiền, bản vẽ, thuê kiến trúc sư, mướn công và... dọn nhà đi chỗ khác để lấy mặt bằng đào móng.

Nhà văn viết sách, viết bài cũng phải thảo nháp từ một lần đến... hàng vài lần hoặc hàng chục lần, để sách đó hàng năm, có khi hàng chục năm mới xong, tùy nhà văn, rồi chữa bản thảo, bản bông v.v...

#### B- Cách viết nháp

***1 Viết ngay chữ ý chính có trong phần ĐVĐ của dàn bài vào đầu đoạn văn***

Đặt bút thì viết ngay chữ ý chính có trong phần ĐVĐ của dàn bài có lý là tạo cho học sinh, thí sinh ngay từ phút đầu không bị hoảng

loạn, linh tinh, lung tung. Viết ngay chữ ý *chính* thì mạch văn được khơi động đúng chỗ, đúng hướng. Ý văn chưa hay nhưng chắc là không lạc đề.

Thí dụ : Lấy đầu đề Phân tích bài “Chiều tối” đã nêu ở trên để làm mẫu. Đặt bút vào bản nháp, thí sinh viết ngay mấy từ của ý *chính* là “vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ”.

Viết xong mấy từ ngữ đó thì suy nghĩ rồi viết tiếp, theo cách viết quen của bản thân mình. thí dụ viết tiếp như sau “... thể hiện rõ trong bài thơ *Chiều tối* của Hồ Chí Minh”.

Rõ ràng viết như thế thì đúng ngay vấn đề của bài làm, của thang biểu chấm điểm. Yên tâm là sẽ được điểm tốt. Còn hay thì chắc là chưa hay đâu. Đừng nôn nóng : văn hay còn chờ mong vào những đoạn viết sau đó. Cách viết phải rèn luyện nhiều nhiều mới đạt được tiêu chuẩn văn hay. Vấn đề ở đây là đúng, trúng và đủ ý.

Sau khi khơi mạch được đúng vấn đề, học sinh thí sinh có thể viết tiếp theo mạch đã có và viết cho xong phần ĐVĐ.

## **2. Cách viết nháp phần ĐVĐ**

- Chỉ viết dài tới đa là 8 dòng của trang giấy học trò.
- Không “hàng máu” viết dài quá phần ĐVĐ vì cần để thời gian cho phần quan trọng là GQVĐ.

Tác giả quyển sách này đã từng quan sát hoặc được chấm những bài TLV kiểu dài dòng ngay từ mở bài ĐVĐ. Một khi mà vớ được một đoạn nào đó nói về tiểu sử của tác giả bài thơ văn đó, hoặc vớ được một đoạn nào đó giới thiệu về văn học sử, thành tích huy hoàng của bài văn thơ đó có in trong sách tham khảo nghe thật là

hay, câu như chuông, thế là... chép... chép... và chép. Viết dài đến gần cả một trang giấy học trò mà vẫn chưa thấy gì là vấn đề chính (ý chính) của bài văn. Bài làm của thí sinh chỉ được phép thực hiện trong 180 phút, 240 phút.

Cần học tập các sách tham khảo đó nhưng đừng nhăm mắt lao theo ngay khi đang viết bài thi.

V thế, không nên viết dài dòng quá 8 dòng phần ĐVĐ ngay từ lúc mấp. Có khi chỉ cần viết 1 câu phần ĐVĐ là chấm dứt rồi viết sang ngay phần GQVĐ.

**3 Viết nháp xong, bình tĩnh nhìn xem lại có lỗi gì rồi chép ngay vào bản chính.** Khi chép vào bản chính có sửa chữa lỗi mà mình đã tự phát hiện ra.

Không chờ đợi viết cho xong các phần thì mới chép. Làm như vậy nguy hiểm lắm. Viết miên man rồi sẽ mê muội đi, lạc đề lúc nào không hay, hết giờ không biết, không còn thời gian chép đủ vào bài chính thức để nộp.

**4 Viết chính thức được hết mọi ý thì lại dừng tay mà nháp tiếp sang một đoạn khác.** Không nên cúi đầu viết chính thức luôn một mạch. Nguy hiểm lắm.

Dừng tay chuyển sang nháp đoạn tiếp khác có tác dụng để kiểm tra lúng sủa, có lạc đề không.

Chỉ nháp một đoạn mạch khơi nguồn cho ý văn đó, không viết dài hết cả đoạn văn để chuyển sang viết ngay đoạn văn đó vào bài chính thức.

**i. Dùng các chữ ý phụ, ý chi tiết có trong dàn bài mà viết ngay ở đầu đoạn văn đó**

Viết như vậy thì không bị rối loạn, tránh việc sinh ra lạc đề ở phần sau.

Thí dụ (lấy đề “Chiều tối” đã nêu) : viết đến ý chi tiết “sức sống” thì viết ngay chữ “sức sống” như sau :

*Sức sống* yêu đời mà Bác đã rung động rõ rệt khi Người nhìn thấy ngọn lửa hồng nơi bếp lò dân dã chốn núi rừng kia :

*“Xay hết, lò than đã rực hồng”*

Ánh lửa hồng bao giờ cũng đem lại sinh khí cuộc đời, sức sống cho muôn loài.

Tóm lại khi viết bài thi :

- Chỉ viết nháp khơi mạch ý văn từng đoạn một
- Viết nháp cách quãng, không cần liên tiếp thành một bài văn
- Mỗi đoạn nháp chỉ nên dài không quá 10 dòng
- Viết ngay chữ *ý chính* - *ý phụ* - *ý chi tiết* ở đầu đoạn nháp ý văn đó.

*Ghi chú cho việc nháp* : Nếu viết bài văn khi giáo viên cho làm ở nhà, học sinh nháp dài cả bài cũng được, nhưng không được tạo ra thói quen nháp cả bài đến khi đi thi chỉ có 180 phút, 240 phút gờ bó dễ bị lúng túng. Tốt hơn cả là luyện thói quen vừa nháp vừa chép chính thức, cách quãng, công việc xen kẽ nhau như đã nêu ở phương pháp trên.

Tất nhiên là đừng luyện thói quen... không thềm nháp, ngại nháp !



## IV - VIỆC THỨ TƯ : CHÉP CHÍNH THỨC VÀO BÀI THI

### A - Tầm quan trọng của bài viết chính thức

Không cần phải giảng dạy dài dòng về ý thức “phải viết chính thức” như kiểu đã thông quan niệm về “tìm hiểu đề” về “làm dàn bài”, về “nháp” nữa.

Vì ai cũng phải viết bài để nộp một khi đã mất bao công của học hành.

Nhưng viết chính thức ra sao ? Tầm quan trọng của nó chính là chỗ viết chính thức thế nào cho... đạt điểm cao.

Tầm quan trọng của viết chính thức là tạo thêm khả năng diễn đạt bài văn, ý văn ; nâng cao được chất lượng của bài.

### B - Cách viết chính thức

- Nội dung bài văn, ý văn
- Hình thức bài viết chính thức
- Thời gian viết bài chính thức

#### 1. Nội dung bài văn, ý văn

Khi viết chính thức phải làm rõ các ý chính, ý phụ, ý nhỏ, ý chi tiết của nội dung bài văn.

Muốn thế, phải dùng các chữ ghi nêu ý chính, ý phụ, ý nhỏ, ý chi tiết ở ngay đầu đoạn văn, ý văn đó. Giống như sự hướng dẫn trong việc nháp nêu ở trên.

Xin nhắc lại : “Cứ mỗi đoạn văn, ý văn theo như dàn bài đã viết ra thì học sinh thí sinh phải viết các chữ ý chính, ý phụ, ý nhỏ, ý chi tiết đó ngay đầu đoạn.

*Thí dụ : Lấy dàn bài “Chiều tối” đã nêu để viết :*

– Phần ĐVĐ : *Vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ thể hiện trong bài “Chiều tối” là biểu hiện chủ yếu sáng rõ nhất trong nội dung bài thơ mà Bác đã viết trong thời gian bị tù đầy tại nhà lao Tường Giới Thạch.*

.....

– Phần GQVĐ : *Vẻ đẹp tâm hồn nhà thơ đã bộc lộ rõ ở hai khía cạnh nội dung : tình yêu thiên nhiên và tình yêu cuộc sống..*

*Tình yêu thiên nhiên in đậm nét trong khung cảnh bài thơ. Đó là cảnh chiều hôm đang buông xuống trong một vùng núi xa xôi heo lánh. Cảnh chiều hôm thường là đề tài hay được đề cập trong các thi phẩm xưa nay. Cảnh chiều hôm thường làm rung động lòng người sau những giờ phút căng thẳng vật lộn với đời. Bác Hồ tuy đang là một người tù bị giải đi, giải lại nhiều nơi, nhưng Người vẫn ung dung ngắm được cảnh chiều hôm một cách yêu đời, rất thi sĩ.*

*Tình yêu thiên nhiên sáng rõ ở điểm bộc lộ tinh thần người chiến sĩ bị tù đầy không hề bị lụy trước cảnh chiều tà chốn núi rừng khi phác vẽ nên một nét tranh thủy mặc đẹp thanh nhã trên bầu trời :*

*Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không*

.....

.....

*Tình yêu con người đã điểm tô thêm cho vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ thể hiện trong bài thơ “Chiều tối”.*

*Tình yêu con người chính là sự phác vẽ hình ảnh con người thân thương, đáng mến : cô sơn nữ xóm núi đang hăng say lao động :*

.....  
.....  
– Phải KTVĐ : *Vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ* trong bài “Chiều tối” là một điểm sáng tinh thần nhà cách mạng lão thành đang trên con đường chiến đấu gian nan vì Tổ quốc .....

*Lưu ý* Đây chỉ là thí dụ, một trong muôn vàn cách viết. Nhưng với thí sinh hãy cẩn thận giữ đúng ý thức làm sáng tỏ nội dung đề thi : *nêu ô các từ chỉ ý chính, ý phụ, ý nhỏ, ý chi tiết để không bị chệch hướng, lạc đề.*

Quyển sách này là dạy cách viết đối với học sinh bình thường chứ không phải là một quyển văn chương bay bổng cao siêu đến mức học sinh đọc vào sách lại thêm... ngán ngờ rồi mù.

## **2. Hình thức bài viết**

*a) Phải viết thật đầu dòng, khoảng độ ba chữ, ở đầu mỗi đoạn văn ý phụ ý nhỏ, ý chi tiết*

Với học sinh thì nên viết lùi vào độ 2, 3 chữ.

*b) Phải viết thẳng hàng dọc (nhìn toàn bộ bài văn viết) như quân lính xếp hàng trong hàng ngũ, các chữ thật đầu dòng đó*

Không lước viết chữ đoạn trên tụt vào quá sâu đến đoạn sau thì lại nhô ra một chút.

Viết thẳng hàng dọc trông đẹp như hàng lính trong quân ngũ.

Thí dụ :

Về đẹp tâm hồn của nhà thơ .....

.....  
.....

Về đẹp tâm hồn của nhà thơ .....

.....  
.....

*c) Phải viết bỏ lề trắng phía bên trái trang giấy một khoảng rộng vừa phải để tạo sự sáng sủa của bài viết.*

*d) Phải viết thẳng hàng dọc (nhìn toàn bộ bài văn) các chữ đầu trích dẫn theo kiểu cách sau đây :*

*– Với trích dẫn là thơ thì tất cả đều phải nằm vào đúng giữa trang giấy viết. Thí dụ :*

*Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không*

.....

*Chim mới về rừng tìm chốn ngủ*

.....

*Cô em xóm núi xay ngô tối*

.....

*– Các chữ đầu câu thơ trích dẫn đều phải viết hoa.*

*– Với trích dẫn văn xuôi thì viết dài, chiếm 2/3 diện tích trang, giấy chệch về phía tay phải của trang giấy.*

Vì văn xuôi thường trích câu dài nên khi viết cho đúng chệch toàn bộ về phía phải. Không giống trích dẫn thơ phải nằm chính giữa.

Viết lết một dòng thì cứ xuống hàng viết tiếp dòng khác nhưng phải thẳng hàng dọc, sao cho ngay ngắn đẹp dễ.

*Thí dụ :* .....

Ta thường nghe : Kỷ Tín liều mình chết thay cho Cao đế, Do Vu chìa lưng chịu giáo che chở cho Chiêu vương ; Dư Nhượng nuốt than để báo thù cho chủ.

.....

.....

### **3. Thời gian viết bài chính thức**

- Cứ hễ viết nháp xong một đoạn khơi mạch thì bỏ nháp mà chép ngay. Vừa chép vừa nhìn vào nháp để chép đúng. Có thể chữa ngay khi chép chính thức. Rồi sau đó theo mạch suy nghĩ mà viết luôn cho hết một đoạn ý nào đó.

- Hết một đoạn ý thì ngừng tay để chuyển sang viết nháp như đã hướng dẫn ở trên.

Tóm lại :

- viết nháp một đoạn ngắn, nhỏ
- viết chép chính thức cho xong một đoạn ý
- ngưng lại để viết nháp
- viết nháp một đoạn ngắn nhỏ
- rồi lại chép viết chính thức

- Không được chờ nháp xong mới chép một mạch. Rất nguy hiểm. Đã có nhiều trường hợp thí sinh chỉ nộp bản nháp hoặc chỉ

mới chép được 1/3 bài chính thức thì đã hết giờ thi, phải nộp bài. Không nộp bài thì cũng bị giám thị thu bài ngay.

– Nghĩa là, tính tổng số thì việc chép viết chính thức tuy chiếm 2/3 thời gian thi, còn 1/3 thời gian kia là dùng cho việc tìm hiểu đề, làm dàn bài, nháp từng đoạn nhỏ nhưng là cắt đoạn từng khúc thời gian chứ không được làm liền mạch một lúc.

Muốn làm được thành thạo thì phải tự luyện tập nhiều.

## **V - VIỆC THỨ NĂM : ĐỌC LẠI BÀI - TỰ KIỂM TRA**

### **1. Tầm quan trọng của việc đọc lại bài - tự kiểm tra**

Phải đọc lại bài ,tự kiểm tra, vì không bao giờ ai làm việc gì mà không có sai sót.

Vì thế, đọc lại bài tự kiểm tra là cần thiết.

### **2. Cách thức tự kiểm tra**

Phải đọc lại bài viết, tự kiểm tra theo cách thức sau đây :

a) Kiểm tra lỗi chính tả : s và x, l và n, gi và d, r và d.

*Thí dụ* : con sông > xông pha ; lăm của > năm tay ...

b) Kiểm tra lỗi viết hoa :

Chữ tên riêng, tên địa phương

Chữ đầu dòng, đầu câu

Chữ đầu trích dẫn thơ

c) Kiểm tra nhầm lẫn các từ ngữ.

### 3. Thời gian dành cho tự kiểm tra

Thời gian đọc lại tự kiểm tra là vào lúc từ 5 đến 10 phút trước khi hết giờ.

\*  
\*   \*   \*

Hãy tự rèn luyện mình liên tục trong từng ngày từng tháng !

Hãy bỏ thói xấu cũ đã quen !

Hãy làm đi làm lại bài tập làm văn cho thành thục !



**Phần ba**  
**BÀI TẬP THỰC HÀNH**

- ❖ Cho việc tìm hiểu đề và làm dàn bài
- ❖ Cho việc nháp và viết chính thức

**I - BÀI TẬP THỰC HÀNH CHO VIỆC TÌM HIỂU ĐỀ  
VÀ LÀM DÀN BÀI**

Lí do của sự thực hành cả hai việc tìm hiểu đề và làm dàn bài :  
Muốn làm dàn bài thì phải tìm hiểu đề. Không tìm hiểu đề thì sao  
có cơ sở mà làm dàn bài.

**A - Bài tập thực hành mẫu**

**1. Bài 1 :** Đề thi tuyển sinh năm 2001, môn Văn, khối C - D - A,  
Trường Đại học Văn hoá Hà Nội.

Thời gian làm bài : 180 phút.

Câu II (5 điểm) : Phân tích diễn biến tâm trạng và hành động của  
Chí Phèo (trong truyện ngắn cùng tên của Nam Cao) từ khi gặp Thị  
Nở cho tới khi kết thúc cuộc đời.

***Việc thứ nhất : Tìm hiểu đề***

7 bước :

Bước 1 : Kiểm tra đề

Bước 2 : Đọc kĩ đề ít nhất 3 lần

Bước 3 : Gạch chân các chữ quan trọng : có 4 cụm chữ phân tích  
– diễn biến tâm trạng – hành động – từ gặp Thị Nở đến  
kết thúc cuộc đời.

Bước 4 : Xác định kiểu bài : phân tích nhân vật

Bước 5 : Tìm ý chính : Tâm trạng và hành động của Chí Phèo (từ  
khi gặp Thị Nở đến kết thúc cuộc đời).

Bước 6 : Tìm ý phụ, ý nhỏ.

(Với đề này bắt buộc phải dùng kiến thức đã học ở trường về tác  
phẩm Chí Phèo để định ra các ý phụ, ý nhỏ. Vì không thể tách rời  
thành hai phần tâm trạng và hành động trong khi nhân vật phát sinh  
tâm trạng kèm theo hành động ngay).

- a) Tình yêu
- b) Muốn sống lương thiện
- c) Thất vọng
- d) Trả thù
- e) Kết thúc bi đát

Bước 7 : Tự kiểm tra

**Việc thứ hai : Làm dàn bài**

**HĐ1 – Ý chính**

I/ ĐVĐ : Tâm trạng và hành động của Chí Phèo từ khi gặp Thị  
Nở đến kết thúc cuộc đời (viết tắt : TTHĐ > TN > KT)

II/ GQVĐ : TTHĐ từ gặp TN đến KT ( $TTHĐ > TN > KT$ )  
(Ghi chú : khoảng bỏ trắng này là độ rộng 8 phần so với ĐVĐ và KTVĐ. Nếu không bỏ trắng chỗ này thì vẫn là kiểu viết theo lối *hàng ngang cũ* kĩ, để dài đầu, cụt đuôi.

III/ KTVĐ : TTHĐ từ khi gặp TN đến KT.

### *HD2 – Ý phụ, ý nhỏ*

I/ ĐVĐ :  $TTHĐ > TN > KT$

II/ GQVĐ :  $TTHĐ > TN > KT$

1. Tình yêu :
2. Muốn sống lương thiện :
3. Thất vọng :
4. Trả thù :
5. Kết thúc bi đát :

III/ KTVĐ :  $TTHĐ > TN > KT$

### *HD3 – Chi tiết*

I/ ĐVĐ :  $TTHĐ > TN > KT$

II/ GQVĐ :  $TTHĐ > TN > KT$

1. Tình yêu :
  - + gặp gỡ
  - + say đắm
  - + hạnh phúc

2. Muốn sống lương thiện :

- + xây tổ ấm gia đình
- + làm ăn lương thiện

3. Thất vọng :

- + bị thành kiến phân biệt
- + uất ức chửi bới khi bị khước từ

4. Trả thù :

- + đòi giết
- + đâm chém

5. Kết thúc bi đát : tự đâm mình

III/ KTVĐ : TTHĐ > TN > KT

#### *HĐ4 – Trích dẫn*

Sách chỉ hướng dẫn là “Viết sau các ý chi tiết 2 chữ đầu của *trích dẫn*”, viết tắt kí hiệu là a và b. Không viết lại toàn bộ mô hình dàn tài như trên nữa. Cách viết như sau :

- + gặp gỡ : .....ab.....
- + say đắm : ..... ab.....
- + hạnh phúc : ab
- + xây tổ ấm gia đình : ab
- + làm ăn lương thiện : ab
- + bị thành kiến phân biệt : ab
- + uất ức chửi bới : ab

+ dòì giết : ab

+ đâm chém : ab

+ tự đâm chết mình : ab

(Ghi chú : Viết dàn bài như thế là xong. Đừng viết quá nhiều, quá dài dòng (không đủ thời gian thi). Phải bắt tay vào viết nháp ngay ý chính độ mấy dòng đầu của ĐVĐ. Rồi viết vào bài chính thức ngay sau khi viết độ 2, 3 dòng của ý chính ĐVĐ).

**2. Bài tập thực hành mẫu số 2 :** Đề số 3 Tuyển sinh 1996, Đại học Quốc gia Hà Nội, dành cho các thí sinh thi theo chương trình Ban Khoa học tự nhiên và kĩ thuật (ban B).

Câu 1 : Bình giảng đoạn thơ sau đây trong bài *Đáy thôn Vĩ Giã* của Hàn Mặc Tử :

*Sao anh không về chơi thôn Vĩ ?*

*Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên*

*Vườn ai mướt quá xanh như ngọc*

*Lá trúc che ngang mặt chữ điền.*

**Việc thứ nhất : Tìm hiểu đề**

7 bước :

Bước 1 : Kiểm tra đề

Bước 2 : Đọc kĩ đề ít nhất 3 lần

Bước 3 : Gạch chân các chữ quan trọng :

+ Bình giảng (chỉ kiểu bài)

+ thôn Vĩ / nắng hàng cau / vườn / xanh như ngọc / lá trúc

Bước 4 : Xác định kiểu bài : bình giảng

Bước 5 : Tìm ý chính : Cảnh đẹp thôn Vĩ

Bước 6 : Tìm các ý phụ, ý nhỏ :

+ năng hàng cau

+ vườn xanh như ngọc

+ lá trúc

+ tình yêu thôn Vĩ Gia đẹp và thơ

+ nghệ thuật : hình ảnh đơn sơ rất thơ / thể thơ mới 7 chữ, mang dáng mẫu thất ngôn tứ tuyệt xưa / dấu hỏi. (ghi chú của sách : vì là kiểu bình giảng nên không thể bỏ qua ý phụ *nghệ thuật*).

Bước 7 : Tự kiểm tra : Vừa trên đã phác ra ý chính là “Cảnh đẹp thôn Vĩ Gia”. Xét thấy cũng chẳng sai nhưng chưa... thơ... cho lắm. Có lẽ nên đổi lại là “Thôn Vĩ Gia đẹp và thơ”.

(Ghi chú của tác giả sách : không phải tác giả bịa ra cho lắm chuyện cái bước thứ 7 Tự kiểm tra vô dụng đâu. Thực ra nó rất cần thiết. Biết đâu sau cái gợi ý ở bước 5 thì óc lại loé sáng một điều gì mới hơn, hay hơn. Tác giả cảm thấy áy náy khi thiếu chữ *thơ* (vì Hàn Mặc Tử rất... thơ... mà).

### ***Việc thứ hai : Làm dàn bài***

#### ***HĐ1 – Ý chính***

I/ ĐVĐ : Thôn Vĩ Gia đẹp và thơ

II/ GQVĐ : Thôn Vĩ Gia đẹp và thơ

III/ KTVĐ : Thôn Vĩ Gia đẹp và thơ

## HD2 – Ý phụ, ý nhỏ

I/ ĐVĐ : Thôn Vĩ Gia đẹp và thơ

II/ GQVĐ : Thôn Vĩ Gia đẹp và thơ

1. Nắng hàng cau :
2. Vườn xanh như ngọc :
3. Lá trúc :
4. Tình yêu thôn Vĩ :
5. Nghệ thuật : hình ảnh / thể thơ mới / đất hỏi

III/ KTVĐ : Thôn Vĩ Gia đẹp và thơ

## HD3 – Ý chi tiết

I/ ĐVĐ : Thôn Vĩ Gia đẹp và thơ

II/ GQVĐ : Thôn Vĩ Gia đẹp và thơ

1. Nắng hàng cau :
  - a/ nắng mới
  - b/ nắng chiếu đẹp hàng cau
2. Vườn xanh như ngọc :
  - a/ xanh mướt
  - b/ màu ngọc
3. Lá trúc :
  - a/ độ thấp ngang tầm
  - b/ điểm tô khuôn mặt người



4. Tình yêu thôn Vĩ :

a/ lời nhắc hỏi

b/ vẽ lên cảnh đẹp và thơ

5. Nghệ thuật :

a/ hình ảnh

b/ thể thơ mới

c/ dấu hỏi

**III/ KTVĐ : Thôn Vĩ Gia đẹp và thơ**

**HD4 – Trích dẫn :**

**(Chỉ hướng dẫn viết sau ý chi tiết, không chép lại cả dàn bài).**

a/ nắng mới : mới lên

b/ nắng chiếu hàng cau : nắng hàng cau

a/ xanh mướt : mướt

b/ xanh như ngọc : ngọc

a/ độ thấp ngang tầm : che ngang

b/ điểm tô khuôn mặt người : – che ngang

– mặt chữ điền

a/ hình ảnh : nắng / hàng cau/ vườn / xanh mướt/  
như ngọc/ che ngang/ mặt chữ điền.

b/ thể thơ mới có dáng dấp thơ thất ngôn tứ tuyệt :

c/ dấu hỏi : sao ... ?

## **B - Bài tập để học sinh tự làm**

1. **Bài số 1 :** Đề thi tuyển sinh 1996, Đại học Quốc gia Hà Nội.  
Đề số 1 dành cho các thí sinh thi theo chương trình PTTH chưa phân ban.

Câu 1 : Anh (Chị) hãy phân tích vẻ đẹp khác nhau của những bức tranh về mùa thu trong bài thơ *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi và tâm trạng của tác giả trong từng hoàn cảnh.

### ***Việc thứ nhất : Tìm hiểu đề***

7 bước :

Bước 1 : .....

Bước 2 : .....

Bước 3 : .....

.....

Bước 4 : .....

Bước 5 : .....

Bước 6 : .....

.....

Bước 7 : .....

### ***Việc thứ hai : Làm dàn bài***

***HĐ1 – Ý chính***

I/ ĐVĐ : .....

II/ GQVĐ : .....

III/ KTVĐ : .....

## HD2 – Ý phụ ý nhỏ

I/ ĐVĐ : .....

II/ GQVĐ: .....

1 .....

2 .....

3 .....

(Tác giả sách chỉ phác ra chung chung con số mà thôi. Học sinh thí sinh phải tự luyện tập nghĩ ra các số ý thích hợp đúng dẫn với đề thi).

III/ KTVĐ : .....

## HD3 – Ý chi tiết

I/ ĐVĐ : .....

II/ GQVĐ: .....

1. .... :

a/ .....

b/ .....

2. .... :

a/ .....

b/ .....

3. .... :

a/ .....

b/ .....

(các số mặc tùy theo ý học sinh thí sinh nghĩ ra).

III/ KTVĐ : .....

(Chỉ cần ghi sau các ý chi tiết).

ab.....

ab.....

a – b.....

a – b.....

a – b.....

**2. Để thực tập số 2 :** Hình ảnh thiên nhiên trong ba bài thơ :  
*Tràng giang* (Huy Cận), *Đây mùa thu tới* (Xuân Diệu) và *Đáy thôn*  
*Vĩ Giạ* (Hàn Mặc Tử).

***Việc thứ nhất : Tìm hiểu đề***

7 bước :

Bước 1 : Kiểm tra đề

Bước 2 : Đọc kĩ ít nhất 3 lần

Bước 3 : Gạch chân các chữ quan trọng

.....

Bước 4 : Xác định kiểu bài

Bước 5 : Tìm ý chính

Bước 6 : Tìm ý phụ, ý nhỏ

.....

.....

Bước 7 : Tự kiểm tra

## *Việc thứ hai : Làm dàn bài*

### *HD1 - Ý chính*

I/ ĐVĐ : .....

II/ GQVĐ : .....

III/ KTVĐ : .....

### *HD2 - Ý phụ, ý nhỏ*

I/ ĐVĐ : .....

II/ GQVĐ : .....

1. ....

2. ....

3. ....

III/ KTVĐ : .....

### *HD3 - Ý chi tiết*

I/ ĐVĐ : .....

II/ GQVĐ : .....

1. .... :

a/ .....

b/ .....

c/ .....

2. .... :

a/ .....

b/ .....

c/ .....

3. .... :

a/ .....

b/ .....

c/ .....

III/ KTVĐ : .....

*HD4 – Trích dẫn*

(Chỉ cần ghi sau các ý chi tiết).

1a/ ..... : + a – b

1b/ ..... : + a – b

1c/ ..... : + a – b

2a/ ..... : + a – b

2b/ ..... : + a – b

2c/ ..... : + a – b

3a/ ..... : + a – b

3b/ ..... : + a – b

3c/ ..... : + a – b

**3. Đề thực tập số 3 :** Đề thi tuyển sinh năm 1996 ĐHQG Hà Nội.

Câu 2 : Phân tích nhân vật Huấn Cao trong truyện ngắn “Chữ người tử tù” của Nguyễn Tuân. Cần chú ý cảnh ông Huấn Cao “cho chữ” vốn được tác giả xem là “một cảnh tượng xưa nay chưa từng có”.

*Việc thứ nhất : Tìm hiểu đề*

.....

.....

.....

.....

*Việc thứ hai : Làm dàn bài*

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**4. Đề thực tập số 4 :** Đề 2 Thi tuyển sinh năm 1996 ĐHQG Hà Nội, dành cho các thí sinh theo chương trình Ban Khoa học xã hội (Ban C).



Câu 1 : Bình giảng đoạn thơ sau trong bài *Tây Tiến* của Quang Dũng :

*Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa  
Kìa em xiêm áo tự bao giờ  
Khèn lên man điệu nàng e ấp  
Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ  
Người đi châu Mộc chiều sương ấy  
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ  
Có nhớ dáng người trên độc mộc  
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa*

*Việc thứ nhất : Tìm hiểu đề*

.....

.....

.....

.....

*Việc thứ hai : Làm dàn bài*

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**5. Đề thực tập số 5 :** Đề thi tuyển sinh Đại học năm 2001, ĐHQG Hà Nội.

Câu 1 (2 điểm) : Anh (chị) hãy bình giảng đoạn thơ sau đây trong bài *Tây Tiến* của Quang Dũng :

*Người đi châu Mộc chiều sương ấy*

*Có thấy hồn lau nẻo bến bờ*

*Có nhớ dáng người trên độc mộc*

*Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa*

(Lưu ý : Tác giả sách này cố ý chọn tìm một đề thực tập số 3 sát ngay đề số 2 để hàm ý cho học sinh biết tình trạng ra đề có những nét nghe thoáng thì có vẻ giống nhau nhưng thực ra là 2 đề khác nhau. Vậy muốn tránh sự hoảng loạn nhầm lẫn thì chỉ có cách *tìm hiểu đề* và *làm dàn bài* một cách nghiêm túc).

*Việc thứ nhất : Tìm hiểu đề*

.....

.....

.....

.....

*Việc thứ hai : Làm dàn bài*

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**6. Đề thực tập số 6 : Đề thi Tốt nghiệp PTTH năm học 1995 – 1996.**

Câu 2 (8 điểm) :

**Mới ra tù, tập leo núi**

Hồ Chí Minh

*Núi ấp ôm mây, mây ấp núi*

*Lòng sông gương sáng, bụi không mờ*

*Bồi hồi dạo bước Tây Phong Lĩnh*

*Trông lại trời nam, nhớ bạn xưa.*

(Bản dịch của Viện Văn học, in trong Văn học 12, phần VHVN - NXBGD, 1995, tr. 22)

Anh (chị) hãy phân tích bài thơ trên.

*Việc thứ nhất : Tìm hiểu đề*

.....

.....

.....

.....

*Việc thứ hai : Làm dàn bài*

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

## II - BÀI TẬP THỰC HÀNH CHO VIỆC VIẾT NHÁP VÀ VIẾT CHÍNH THỨC

### A - Bài tập thực hành làm mẫu

#### 1. Bài tập mẫu số 1 :

Lấy đề đã giải làm mẫu về tìm hiểu đề và dàn bài ở trên. Đề Phân tích bài “Chiều tối” của Hồ Chủ tịch (nhằm mục đích cho học sinh khỏi bối ngỡ trong bước đầu thực hành).

*Việc nháp* : Học sinh nhìn vào phần ĐVĐ có dòng chữ “Vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ” rồi lấy bút viết ngay dòng chữ đó như sau :

“Vẻ đẹp tâm hồn nhà thơ”

Tất nhiên, học sinh phải suy nghĩ tiếp sẽ viết gì. Có thể viết tiếp như sau :

*“Vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ thể hiện trong bài “Chiều tối” của Hồ Chí Minh là tình yêu thiên nhiên và tình yêu cuộc sống của một con người cách mạng yêu nước”.*

Cũng có thể viết theo dạng văn như sau :

*“Vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ là vẻ đẹp tinh thần yêu đời của một nhà cách mạng lão thành trong hoàn cảnh bị tù đầy gian khổ”.*

Lại có thể viết theo kiểu khác như sau :

*“Vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ chứa đựng trong nội dung bài thơ “Chiều tối” bộc lộ chất thép tâm hồn của một con người yêu nước vĩ đại, dù gian khổ vẫn ung dung tự tại giữa phong ba cuộc đời.*

Tốt hơn hết là đi ngay vào ý chính. Vừa dỡ lúng túng khi khơi mạch văn vừa yên tâm khỏi bị lạc đề.

Tuy thế với 3 thí dụ trên, tác giả sách này cũng chỉ nêu ra một vài kiểu dạng văn, vì viết văn thì không gò bó khuôn cứng như lúc giải bài toán được. Tuỳ ý viết đoạn sau nhưng đừng tuỳ ý khi bỏ viết cái từ ý *chính*. Nếu không nghe thì cũng... nguy hiểm đấy !

Việc *viết chính thức* như đã nêu ở trên trong phần lí thuyết hướng dẫn là “không nên chờ viết nháp hết cả bài rồi mới chép chính thức vì thời gian gò bó – dễ bị hẫng hụt, không đủ thời gian chép vào bài thi. Dù bài làm ở nhà của học sinh cũng không nên luyện thói quen “viết nháp toàn bộ bài mà chỉ nên viết nháp một vài dòng ngắn rồi chuyển sang chép chính thức ngay”.

Trình tự viết nháp và viết chính thức nên như sau :

- viết nháp phần ĐVĐ : chỉ nên ngắn gọn độ 3, 4 dòng, nêu được ý *chính* là thôi ngay để

- viết chính thức ngay vào giấy thi. Viết xong phần ĐVĐ thì ngừng ngay và

- viết nháp sang phần GQVĐ. Phải dùng ngay từ ý *chính* ngay đầu đoạn văn để giữ vững nội dung bài văn sao cho đúng trọng tâm chủ đề. Viết nháp độ một đoạn ý nhỏ của GQVĐ thì lại chuyển sang viết chính thức ngay ý đã nháp đó vào giấy thi rồi

- cứ nhìn vào *dàn bài* đã phác ra trên giấy nháp mà viết theo trình độ suy nghĩ và nhớ trích dẫn của mình các mạch ý tiếp theo. Đến khi

- viết hết một đoạn ý 1 thì phải ngừng viết trên giấy chính thức để :

- chuyển sang viết nháp đoạn ý 2

Dừng lại không viết chính thức nữa là để tỉnh táo nhìn lại dàn bài và điều chỉnh ngay vấn đề cần viết. Có thế mới không bị lạc đề miên man.

Muốn viết được như thế, lẽ tất nhiên học sinh thí sinh phải tự rèn luyện các phương pháp cần thiết đã hướng dẫn trong sách.

Thí dụ dẫn chứng cho cách làm nêu trên, sách xin nêu ra đoạn viết đó cụ thể như sau :

Viết nháp đoạn ĐVĐ : *“Vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ thể hiện trong bài “Chiều tối” của Hồ Chí Minh là tình yêu thiên nhiên và tình yêu cuộc sống của một con người cách mạng yêu nước”*.

Chuyển ngay sang chép chính thức vào giấy thi *“Vẻ đẹp tâm hồn... yêu nước”*.

Viết xong đoạn nháp ĐVĐ trên thì chuyển sang nháp phần GQVĐ : *“Vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ biểu lộ trong bài thơ, trước hết là tình yêu thiên nhiên”*. Đây là chuyển sang ý nhỏ, ý phụ 1 (tình yêu thiên nhiên của dàn bài).

Nháp tiếp *“Tình yêu thiên nhiên mạnh mẽ đến mức một con người đang bị giải di trong cảnh chiều buồn bã u sầu, sống trong tình cảnh gian khổ của kẻ bị tù đầy mà Người vẫn ung dung ngắm được cảnh mây bay trên tầng trời như một thi sĩ :*

*Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không.”*

Chuyển sang giai đoạn viết chính thức đoạn vừa nháp trên vào giấy thi : *“Tình yêu thiên nhiên ..... tầng không”*. Viết chính thức xong đoạn trên thì viết luôn vào giấy chính thức theo mạch văn đang chảy trong óc suy nghĩ, không chuyển sang nháp nữa, như sau : *“Bức tranh trên tầng thỉnh không, được phác ra nhẹ thoảng như nét vẽ tranh thủy mặc khi “chòm mây” chỉ “trôi nhẹ” trên bầu trời chiều.*



Cảnh vật thiên nhiên được điểm tô bằng bóng chim rừng đang rải cánh đáp xuống đám cây rừng rậm rạp. Tác giả bài thơ nghĩ đến chỗ ngủ yên tĩnh của cánh chim trời nơi rừng cây :

.... về rừng tìm chốn ngủ

phải chăng cũng là sự liên tưởng đến cảnh bản thân mình đang bị giải di trong cảnh tù đầy nơi rừng thiêng nước độc của vùng phía nam Trung Hoa này vào lúc chiều tối đang đến gần ?

Cánh bay của con “chim mới” kia còn có chỗ đáp xuống ngọn cây rừng để nghỉ ngơi. Vậy thân phận người tù sẽ ra sao đây ? Biết bao giờ sẽ có phút giây yên lành trong cuộc sống một khi tổ quốc còn đầy bóng giặc ngoại xâm ?

.....

.....

.....

Thí dụ viết được hai chục dòng nữa, đến đó rồi thì phải ngừng thôi viết chính thức để chuyển sang nháp ý 2/ Tình yêu cuộc sống.

Cũng phải dùng ngay từ mang ý phụ ý nhỏ 2 này mà viết để “lái chèo” ngay cho đúng trọng tâm bài thi “Tình yêu cuộc sống thể hiện trong bài thơ đã điểm tô thêm cho vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ khi bóng dáng cô thôn nữ sơn cước hiện lên thật đậm đà :

Cô em xóm núi xay ngô tối

Cuộc sống vất vả của người lao động được nhà thơ nhìn bằng con mắt thương yêu thông cảm. Cảnh xay ngô đem lại một ý vị thấm hiểu rõ thêm về sự lao động cực nhọc của cô gái sơn cước cũng như của các con người lao động ở chốn núi rừng kia.



Nhất là cảnh “tối”. Từ “tối” gieo vào lòng người một nỗi suy tư khó tả khi nghĩ đến cảnh lao động dãi dạt mặt tối của người dân cũng khổ. Đáng lí, tối đến là lúc buông tay mà ngã lưng yên nghỉ cho ngày mai lao động hăng say thì cô gái sơn cước lại phải bắt đầu một giai đoạn ngắn của đoạn chơi thề gian, lao động để chuẩn bị cho miếng ăn.

Muốn nghĩ thế nào thì hình ảnh “cô em” cũng gợi lên trong lòng người đọc thơ một cảm giác mát lạnh nơi tâm hồn. Cô gái bao giờ cũng là bông hoa điểm tô làm sáng đẹp cuộc đời con người. Trong cảnh bị giải đi mỗi một, thân tù đâu có cần cỗi đi vì gian khổ. Người cách mạng vẫn yêu đời khi nhìn thấy bóng dáng mến thương của người con gái lao động chốn sơn cước. Bên bóng dáng hồng của cô gái sơn cước lại thêm ánh hồng rực lên của sức lửa trong lò than đầy sức sống :

.... lò than đã rực hồng.

.....

.....

Sau khi viết hết phần GQVD thì ngừng tay chuyển sang nháp phần KTVĐ bằng cách dùng chữ

“Vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ, một con người cách mạng vô sản chân chính, một con người yêu nước thiết tha được thể hiện trong bài thơ “Chiều tối” ở tập thơ Nhật kí trong tù của Hồ Chí Minh là vẻ đẹp tinh thần đáng kính trọng, đáng trân trọng mà mỗi con người chúng ta cần phải biết tu dưỡng học tập cho thêm sâu sắc bản ngã cuộc đời”.

Viết xong nháp KTVĐ đó thì chép ngay vào giấy chính thức.

## 2. Bài tập mẫu số 2 :

Lấy đề thi tuyển sinh 1996, ĐHQG Hà Nội, đề số 3 dành cho ban B, đã có dẫn giải ở đoạn trên của sách.

*Câu 1* : Bình giảng đoạn thơ sau trong bài “Đầy thôn Vĩ Gia” của Hàn Mặc Tử :

*Sao anh không về chơi thôn Vĩ ?  
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên  
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc  
Lá trúc che ngang mặt chữ điền.*

*Việc thứ ba + tư : Nháp và viết chính thức*

1. Phần ĐVĐ : *Thôn Vĩ Gia đẹp và thơ* hiện lên trong bài thơ “Đầy thôn Vĩ Gia” của nhà thơ Hàn Mặc Tử làm ấm lòng người về cảnh đẹp đáng yêu của xứ Huế nói riêng và của đất nước nói chung.

2. Chép luôn vào giấy chính thức bài thi : *Thôn Vĩ Gia đẹp và thơ* hiện lên ..... nói chung.

3. Chuyển về phần nháp GQVĐ :

*Thôn Vĩ Gia đẹp và thơ* sáng lên khi ta nhận thấy **ánh nắng hàng cau** rất tiêu biểu của một vùng quê ngoại thành kinh đô Huế thời xa xưa :

*Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên*

Vì sao, Hàn Mặc Tử lại chú trọng ngay **ánh nắng hàng cau** đó ? Phải chăng, đó là ấn tượng không phai mờ còn lưu mãi trong óc nhà thơ sau khi nhà thơ đến thôn Vĩ Gia êm đềm và thơ mộng đó.

4. Chép ngay đoạn nháp của GQVĐ vào giấy chính thức : *Thôn Vĩ Gia đẹp và thơ ..... êm đềm và thơ mộng đó.*

5. Từ đó, thí sinh viết tiếp theo ý mình : *“Nắng hàng cau là một hình ảnh sắc nét, đẹp đẽ của phong cảnh Huế đẹp, Huế thơ, Huế mơ, Huế mộng. Có lẽ thôn Vĩ Gia là thôn ngoại thành nổi bật nhất trong số các thôn ngoại thành của xứ Huế. Không hiểu có phải vì thôn Vĩ Gia là thôn đẹp bậc nhất vùng ngoại thành cố đô Huế hay không nhưng rõ ràng bài thơ của Hàn Mặc Tử đã làm cho thôn Vĩ Gia đẹp và thơ hơn hẳn mọi thôn ngoại thành khác. Nhà thơ đã thấy ánh nắng mới lên từ những tia sáng bình minh phía đông Vĩ Gia, nơi bờ bể Thuận An của tỉnh Thừa Thiên cổ kính.*

.....

.....

.....

.....

.....

6. Sau khi viết xong phần ý phụ - ý nhỏ 1 “nắng hàng cau” thì phải ngừng lại để chuyển sang nháp phần ý phụ, ý nhỏ 2 là “vườn xanh như ngọc” như sau : *Vườn xanh như ngọc cũng là một hình ảnh khêu gợi rất thơ của cảnh đẹp thôn Vĩ Gia. Thôn Vĩ Gia vốn là một thôn theo kiểu nhà vườn, giống như thành phố Huế vốn đã nổi tiếng vì cảnh nhà vườn nơi đô thị. Vườn xanh ở thôn Vĩ Gia nhờ không khí trong, mát, lành, tinh của bờ sông Hương nên màu xanh đó được Hàn Mặc Tử nhận ra là trong như ngọc, một màu xanh tinh khiết lạ thường.*

*Hình ảnh “mướt” của từ ngữ mà Hàn Mặc Tử đã dùng để mô tả cho vẻ xanh như ngọc đó nêu lên nét nhẹ nhàng, tha thướt như tà áo tím của cô gái vùng sông Hương, núi Ngự của đất nước ta.*

Có lẽ những cây cối trong vườn thôn Vĩ Gia thanh mảnh, có lẽ thân cây, lá cây cũng bay bay trong gió sông Hương đang thổi vào chãng ? Có thể, nhà thơ sinh ra những động rung tâm hồn đến mức như kêu khê lên “mướt quá”.

.....

.....

.....

7. Sau khi viết hết ý phụ, ý nhỏ 2 thì ngừng tay viết chính thức mà chuyển sang viết nháp ý phụ - ý nhỏ 3 “lá trúc” sau đây : *Lá trúc là nét vẽ thứ ba trong bức tranh khung cảnh thôn Vĩ Gia đẹp và thơ của nhà thơ Hàn Mặc Tử. Nét vẽ đẹp dễ đó đã điểm xuyết trên nét mặt con người thôn Vĩ. Có lẽ nhà thơ Hàn Mặc Tử đã thoáng thấy bóng ai đang ngấm cảnh vườn thôn Vĩ : một khuôn mặt chữ điền của một người đàn ông thôn Vĩ Gia, cố đô Huế. Chưa thấy bóng cô gái Huế Vĩ Gia tha thướt, mảnh dẻ đã thấy bóng người đàn ông mặt chữ điền, khiến người đọc cảm nhận được một nét mới mẻ của thơ ca Hàn Mặc Tử.*

*Lá trúc che ngang mặt chữ điền.*

8. Ngừng việc nháp, chuyển sang viết chính thức ý phụ - ý nhỏ 3 vào giấy thi :

*Lá trúc là nét vẽ thứ ba trong bức tranh .....*

.....

.....

*..... chữ điền.*

9. Ngừng chép chính thức sau khi hết ý phụ - ý nhỏ 3 để chuyển sang viết nháp ý phụ - ý nhỏ 4 *Tình yêu thôn Vĩ* như sau :

Tình yêu thôn Vĩ không chỉ thể hiện bóng gió qua các hình ảnh đẹp “nắng hàng cau – vườn xanh như ngọc – lá trúc” mà còn được bộc lộ đậm đà qua tình cảm thương yêu đối với cô gái thôn Vĩ Giã. Theo như lời của sự truyền tụng thì đây là hình ảnh cô Hoàng Cúc, người thôn Vĩ Giã, sau khi theo cha vào ở trong thành phố Quy Nhơn đã trở về quê hương này.

10. Ngừng việc viết nháp để chép ngay đoạn ý 4 này vào giấy thi chính thức như sau : “Tình yêu thôn Vĩ..... quê hương này”.

Và cứ thế mà viết luôn theo mạch suy nghĩ học hành về đoạn ý tình yêu này như sau :

“Cô Hoàng Cúc là một hình ảnh của mối tình đơn phương của thi sĩ Hàn Mặc Tử. Chàng yêu thầm nàng nhưng nàng đâu có biết. Cho đến khi nàng trở về thôn Vĩ Giã, quê hương xứ Huế, thì thi sĩ đã dẹt nên bức tranh đẹp thơ và tình với cái thôn đang ẩn chứa hình ảnh người con gái đẹp mình yêu đó. Nhờ đó mà thôn Vĩ Giã đã nổi tiếng trong thơ ca và trong tâm tưởng người đọc.

Không có cách nào hơn là gửi hương cho gió nên Hàn Mặc Tử tự nhắc mình :

*Sao anh không về chơi thôn Vĩ ?*

Phải chăng, Hàn Mặc Tử đã nói thay cho cô gái thôn Vĩ Giã - Hoàng Cúc - chính là để nói thay cho lòng mình đang ủ ấp mối tình đơn phương với nàng.

Tình yêu thôn Vĩ chính là tình yêu đơn phương với Hoàng Cúc. Tình yêu đối với Hoàng Cúc là tình yêu ảo ảnh không có sự trả lời đáp lại của đối tượng, nhưng tình yêu đối với thôn Vĩ Giã là tình



yêu thiết thực, rung động cụ thể mang màu sắc tình yêu quê hương tươi đẹp của chúng ta.

.....

.....

.....

.....

11. Ngừng việc viết chính thức đoạn ý tình yêu thôn Vĩ để chuyển sang viết nháp đoạn ý *Nghệ thuật* như sau :

*Bài thơ “Đây thôn Vĩ Giã” của nhà thơ Hàn Mặc Tử có một số thủ pháp nghệ thuật như hình ảnh, như thể thơ mới, như dấu hỏi.*

*Hình ảnh trong đoạn thơ được trích của “Đây thôn Vĩ Giã” là những hình ảnh khá cụ thể nhưng rất gợi cảm vì sức sống của cảnh vật thiên nhiên thực tại của thôn Vĩ : nắng mới, nắng hàng cau, vườn xanh mướt, xanh như ngọc, lá trúc che ngang...*

*Thể thơ mới được Hàn Mặc Tử dùng trong thời gian 1930 – 1945 này là thể thơ 7 chữ đều đặn, êm đềm, và đoạn trích trên đã mang dáng vẻ tuyệt có truyền thống trong thi ca cổ điển Việt Nam :*

*Nhìn nắng hàng cau, nắng mới lên*

.....

*Lá trúc che ngang mặt chữ điền*

*Ngoài ra, nghệ thuật dùng dấu hỏi để nhằm kêu gọi trong tâm tưởng người đọc một cảm giác băng khuâng khó tả phù hợp với tâm tình của Hàn Mặc Tử trước tình yêu đơn phương, vô vọng của mình.*

*Sao anh ..... ?*

*Phải chăng dấu hỏi cũng là lời tự hỏi trong tâm tư nhà thơ si tình này ?*

12. Ngừng viết nháp để viết chính thức ngay vào giấy thi : *“Bài thơ ..... si tình này ?”*.

13. Viết xong đoạn ý 5 nghệ thuật thì ngừng tay để nháp nốt phần cuối cùng của bài thi KTVĐ như sau :

*“Thôn Vĩ Gia đẹp và thơ là hình tượng tiêu biểu đã được hiện lên trong đoạn đầu của bài thơ “Đây thôn Vĩ Gia”. Ý thơ chủ yếu đó đem lại cho người đọc một xúc cảm nghệ thuật sâu sắc trước tài phác vẽ khung cảnh, ẩn dấu tình cảm thương yêu của nhà thơ Hàn Mặc Tử.*

*Đọc đoạn thơ mở đầu này mấy ai không thể không rung động trước cảnh đẹp thôn Vĩ cũng như nỗi lòng đơn phương tha thiết của nhà thơ.*

14. Ngừng tay nháp để chép ngay vào giấy chính thức dạng nhanh chóng hoàn thành bài thi.

## **B - Bài tập thực hành học sinh tự làm lấy**

### ***Đề thực hành số 1***

Câu 2 – Đề thi tuyển sinh ban B, ĐHQG Hà Nội năm 1996 :

Phân tích nhân vật Hoàng trong truyện *Đôi mắt* của Nam Cao.

### ***Đề thực hành số 2***

Đề thi tuyển sinh Đại học Ngoại ngữ năm 2001. Thời gian làm bài 180 phút, có 3 câu.

*Câu 3 (3 điểm) : Bình giảng đoạn thơ sau trong bài thơ Sóng của Xuân Quỳnh :*

*Cuộc đời tuy dài thế  
Năm tháng vẫn qua đi  
Như biển kia dẫu rộng  
Mây vẫn bay về xa.  
  
Làm sao được tan ra  
Thành trăm con sóng nhỏ  
Giữa biển lớn tình yêu  
Để ngàn năm còn vỗ.*

***Để thực hành số 3***

Đề thi tốt nghiệp phổ thông năm 1994 – 1995.

***Đề II – Câu 2 (8 điểm) :***

Phân tích hình tượng nhân vật Nguyệt trong truyện ngắn *Mảnh trăng cuối rừng* của nhà văn Nguyễn Minh Châu.



## ***Phần bốn***

# **CÁC DẠNG VĂN THÍCH HỢP VỚI KIỂU BÀI**

Tất cả các điều đã nêu trong sách này về *tìm hiểu đề, làm dàn bài, dàn bài đại quát kiểu bài* là kiến thức dùng cho việc phác thảo một bài văn nghị luận theo đúng một quy trình khoa học đúng đắn.

Và khi viết văn thì phải viết như thế nào cho sát, cho rõ, cho đúng với từng kiểu bài.

## **I - CÁC CHỮ HAY DÙNG - THÍCH HỢP - VỚI TỪNG KIỂU BÀI**

### **1. Kiểu bài giải thích**

Khi giảng nghĩa từ ngữ, nghĩa đen, nghĩa bóng hay dùng các từ :

– “Thế nào”, “Tại sao”, “Ra sao”, “Cái gì”... để gợi hỏi cho ra vấn đề còn tăm tối mà mình đang cần làm *sáng rõ* cho đúng tính chất *kiểu bài giải thích*.

– Các từ “là”, “nghĩa là”, “có nghĩa là”, “nghĩa đen”, “nghĩa bóng”... để giảng giải ra vấn đề ý nghĩa của câu thơ văn, nhận định...

*Thí dụ 1.* Lấy đề giải thích câu tục ngữ dân gian “Gân mực thì đen, gân đèn thì rạng”. Ta có thể dùng các từ ngữ như sau :

- *Tại sao* nhân dân ta lại nói “gân mực thì đen” ?
- “Mực” *nghĩa đen* là gì ? *Nghĩa bóng* là gì ?
- “Mực” *nghĩa* là những cái gì xấu xa, độc ác kể cả con người và sự việc ở đời.

*Thí dụ 2.* Lấy đề giải thích câu thơ “Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ”. Ta có thể dùng các từ ngữ như sau :

- “Nắng hạ” *nghĩa đen* là gì, *nghĩa bóng* là gì ?
- *Tại sao* nhà thơ lại nói “từ ấy” ?
- “Nắng hạ” *nghĩa đen* là ánh nắng nóng nong của mùa hạ. Không nhạt yếu như nắng mùa đông.

Vậy *nghĩa bóng* của “nắng hạ” trong thơ Tố Hữu là sức sống mãnh liệt của cách mạng vô sản, của lí tưởng cộng sản.

- “Từ ấy” *tức là* từ cái ngày được Đảng giáo dục giác ngộ đi theo con đường cách mạng cứu nước cứu dân dưới ánh sáng chủ nghĩa Mác - Lênin.

## 2. Kiểu bài chứng minh

Vì *chứng minh* là *xác nhận* vấn đề nên hay dùng các chữ thích hợp như sau :

- Đúng vậy ...
- Thật vậy
- Đúng thế

*Thí dụ 1.* Lấy đề chứng minh câu nói của Bác Hồ : “Không có gì quý hơn độc lập tự do”. Ta có thể dùng các chữ như sau :

– *Thật vậy*, dân tộc ta qua 80 năm dưới ách đô hộ của thực dân Pháp, đã chịu đựng bao cảnh gian khổ, tù đầy, chém giết, bắt bớ... nên đã thấy rõ chỉ có “độc lập” mới có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, bình đẳng, tự do, bác ái.

*Thí dụ 2.* Lấy đề chứng minh, đề số 10 trong sách Đề thi tuyển sinh và hướng dẫn làm bài thi (ấn hành năm 1995).

Đề 10 – Câu 1 (6 điểm) : Có ý kiến cho rằng Nguyễn Khuyến là một trong những nhà thơ đặc sắc của làng cảnh Việt Nam.

Anh (chị) hãy chứng minh điều đó qua việc phân tích chùm thơ về mùa thu của ông.

Với đề này, đã có hai kiểu là *phân tích* và *chứng minh*.

Vậy khi viết văn cho kiểu *chứng minh* thì có thể viết như sau :

“*Thật vậy*, qua chùm thơ về mùa thu của Nguyễn Khuyến, ta thấy đúng ông là một trong những nhà thơ đặc sắc của làng cảnh Việt Nam.

.....  
“*Đúng vậy*, Nguyễn Khuyến quả là nhà thơ đặc sắc của làng cảnh Việt Nam”.

.....  
*Thí dụ 3.* Hãy chứng minh nhận định : “Nhật kí trong tù” không những là một tác phẩm văn học mà còn là một văn kiện lịch sử vô giá”.

Có thể viết văn như sau :

*Đúng vậy*, “Nhật kí trong tù” là một tác phẩm văn học....

Thật vậy, tác phẩm của Bác Hồ viết trong thời gian bị bè lũ Tưởng Giới Thạch cầm tù, quả là một văn kiện lịch sử vô giá...

### 3. Kiểu bài phân tích

Thường dùng các chữ sau đây khi viết văn *phân tích* :

- Mang tính chất
- Đặc điểm
- Có ý nghĩa
- Có nội dung

*Thí dụ 1.* Đề thi Đại học Ngoại ngữ năm 2001, câu 2 (3 điểm).  
Phân tích nhân vật A Phủ trong truyện *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài.

Có thể viết văn như sau :

*Đặc điểm* của nhân vật A Phủ là tính thật thà, tinh thần dũng cảm .....

.....

Nhân vật A Phủ *mang tính chất* của con người lao động miền núi .....

.....

*Thí dụ 2.* Đề thi tốt nghiệp PTTH năm học 1993 – 1994, môn thi Làm văn, thời gian 180 phút.

Câu 2 (8 điểm) : Phân tích nội dung đả kích giàu tính chiến đấu và bút pháp nghệ thuật đặc sắc của truyện ngắn *Vi hành*.

Có thể viết như sau :

*Đặc điểm* nội dung của truyện ngắn *Vi hành* là tính chiến đấu...

Truyện ngắn *Vi hành* của Nguyễn Ái Quốc mang *đặc điểm* của một bút pháp đặc sắc của thể loại truyện ngắn hiện đại...

#### **4. Kiểu bài bình giảng**

Có thể dùng các chữ sau đây trong khi viết văn kiểu *bình giảng* :

*a)) Khi viết bình giảng nội dung :*

- Mang nội dung
- Có tư tưởng
- Chứa đựng những vấn đề

*b)) Khi viết bình giảng nghệ thuật :*

- hình ảnh – hình tượng + điển hình
- điêu luyện + kết cấu hợp lí – chặt chẽ
- ẩn dụ – so sánh + phú – tỷ – hứng
- mâu thuẫn – tình tiết

*Thí dụ 1.* Đề thi Tuyển sinh ĐHQG Hà Nội, năm 1996.

Đề số 3 – Câu 1 : Bình giảng đoạn thơ sau trong bài “Đầy thôn Vĩ Gia” của Hàn Mặc Tử :

*Sao anh không về chơi thôn Vĩ ?*

*Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên*

*Vườn ai mướt quá xanh như ngọc*

*Lá trúc che ngang mặt chữ điền.*

Có thể dùng các từ ngữ sau đây khi viết bình giảng :

– Đoạn thơ trên *mang nội dung* trữ tình sâu sắc, một mối tình đơn phương giữa nhà thơ Hàn Mặc Tử và cô gái Hoàng Cúc, người quê ở thôn Vĩ Gia.

.....

– *Hình ảnh nghệ thuật* sâu lắng khi nhà thơ dùng bóng nắng trên hàng cau, lá trúc ngang khuôn mặt để phác vẽ khung cảnh nên thơ của Vĩ Gia, một thôn trang ven bờ sông Hương thơ mộng.

.....

*Thí dụ 2.* Đề thi tuyển sinh Đại học Ngoại ngữ.

Câu 3 (3 điểm) : Bình giảng đoạn thơ sau trong bài thơ *Sóng* của Xuân Quỳnh :

*Cuộc đời tuy dài thế*

.....

*Để ngàn năm còn vỗ*

*Có thể viết các từ ngữ* khi viết kiểu bài bình giảng : “Đoạn thơ trích trong bài thơ *Sóng* của Xuân Quỳnh *mang nội dung* trữ tình về cuộc đời con người chúng ta.

.....

..... *hình tượng* “con sóng” là một *hình ảnh nghệ thuật* tượng trưng mà Xuân Quỳnh đã dùng trong bài nhưng đồng thời cũng hay dùng trong thơ của chị.....

.....

## 5. Kiểu bài bình luận

Hay dùng các từ ngữ sau đây khi viết bài văn *bình luận* :

### a) *Khi bình* :

- đúng
- sai
- chân lí

### b) *Khi luận* :

- nên
- cần
- phải
- phương hướng tư tưởng
- phương hướng hành động

*Thí dụ 1.* Đề số 39, sách “Đề thi tuyển sinh và hướng dẫn làm bài thi”.

Câu 1 (6 điểm) : Bình luận câu nói của Hồ Chí Minh : “Văn hoá nghệ thuật là một mặt trận. Anh chị em là chiến sĩ trên mặt trận ấy”.

Có thể viết như sau : *Đoạn văn bình* thì viết : “Câu nói của Bác là một *chân lí* soi sáng cho con đường phấn đấu của các văn nghệ sĩ cách mạng...”

*Đoạn văn luận* thì viết : Mỗi một con người văn nghệ sĩ cách mạng *cần phải* noi theo lời dạy của Người để nâng cao tính chiến đấu trong các tác phẩm của mình...

*Thí dụ 2.* Bình luận câu nói của văn hào Goócki : “Văn học là nhân học”.

Có thể dùng từ ngữ như sau :

a) Khi viết đoạn *bình* : Câu nói “văn học là nhân học” của văn hào Goócki thật là *đúng đắn, chí lí*.

b) Khi viết đoạn *luận* :

Trong văn học chúng ta *cần phải* nâng cao tính nhân văn, phải khắc họa sâu sắc mạnh mẽ tính cách con người .....

*Không nên* coi văn học là thứ tiêu khiển tầm chương trích cú...

## **6. Kiểu bài hỗn hợp**

Hãy dùng các từ ngữ hay dùng của kiểu bài mỗi khi viết đến một kiểu bài nào đó trong kiểu bài hỗn hợp.

*Thí dụ 1.* Đề số 7 (10 điểm) của sách “Đề thi tuyển sinh và hướng dẫn làm bài thi”.

Những giá trị tư tưởng và nghệ thuật của thơ lãng mạn qua một số tác phẩm của Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử thời kì 1930 – 1945.

Có thể viết các từ ngữ như sau :

a) Khi viết *giải thích* thì “*Ta hiểu* giá trị tư tưởng trong các bài thơ của Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử thời kì 1930 – 1945 là các biểu hiện yêu nước, yêu đời và cả những nỗi buồn cô đơn trong cảnh mất nước.

b) Khi viết *chứng minh* thì “*Thật vậy*, trong thơ của các thi sĩ lãng mạn 1930 – 1945 đã chứa đựng lòng yêu nước qua bài thơ Tràng Giang của Huy Cận.....



c) Khi viết *bình luận* thì “*Cái hay* của thơ ca lãng mạn của ba thi sĩ này là nâng cao lòng yêu đời say đắm vì cuộc sống con người nhưng *cái dở* là đôi lúc uỷ mị không cần có trong khi cần phải đứng lên đánh đuổi giặc Pháp ngoại xâm.....

.....

Chúng ta, những lớp cháu con đàn em của các thi sĩ lãng mạn *nên* rèn luyện tu dưỡng tinh thần của mình *cần*, học theo những điều hay của thơ ca lãng mạn, *cần* tránh bỏ những điều chưa có lợi cho sự vươn lên trong tinh thần đổi mới.

## II - CÁC DẠNG VĂN TỔNG QUÁT THÍCH HỢP CHO CÁC KIỂU BÀI

Lấy một câu nói của Bác Hồ để làm mẫu cho cách viết thích hợp với các kiểu bài.

Đó là câu :

*Không có việc gì khó  
Chỉ sợ lòng không bền  
Đào núi và lấp biển  
Quyết chí ắt làm nên.*

### 1. Dạng văn khi viết kiểu bài giải thích :

“*Không có việc gì khó*”, câu nói mở đầu này mang ý nghĩa như thế nào ?

Chúng ta có thể trả lời được câu hỏi này. “*Việc khó*” là việc gì ? Phải chăng đó là những việc khó làm được, so với khả năng con người ?

Quả thực, đó là “việc khó” bởi vì chưa thấy ai đào được núi và lấp được biển.

Tuy thế Bác vẫn khẳng định nếu “quyết chí” ắt sẽ làm được. *Thật là một lời nói sắt đá, đầy quyết tâm, đầy tin tưởng và tràn trề tinh thần lạc quan !*

*(Sử dụng các từ ngữ để làm sáng tỏ vấn đề).*

## **2. Dạng văn thích hợp với kiểu bài chứng minh :**

*Thật vậy, đối với thanh niên chúng ta, không có việc nào là khó cả.*

Nhiều hình ảnh thực trong cuộc đời đã chứng minh điều đó. Đó là hình ảnh của cô giáo trẻ Lò Thị Kính, một cô giáo mới ra trường được phân công lên miền núi để dạy học. Cô đã làm tốt công tác, cả khi cô chưa học thạo tiếng H'mông của địa phương đó. Đó là hình ảnh của người thanh niên Thái Văn A, chiến sĩ làm nhiệm vụ trinh sát trên chòi cao ở đảo Cồn Cỏ. Mặc cho bom đạn địch nổ quanh đài quan sát, anh vẫn quyết tâm làm việc, theo dõi từng quả bom rơi xuống mặt đất của hòn đảo tiền tiêu Tổ quốc.

*(Đưa dẫn chứng để chứng minh vấn đề).*

## **3. Dạng văn thích hợp với kiểu bài phân tích**

Kiên trì là sức mạnh của ý chí. Kiên trì là tín hiệu thể hiện sự theo đuổi đến cùng một mục đích đã định, bất chấp mọi khó khăn gian khổ trên con đường đi tới mục đích. Kiên trì có đặc tính là không quản ngại về thời gian, dù có lâu dài đến đâu đi nữa cũng vẫn vững lòng tiến tới.

*(Nâng lên lí luận tìm ra vấn đề).*

#### 4. Dạng văn thích hợp với kiểu bài bình luận

Lời dạy của bác đúng đắn như một *chân lí*.

(đây là đoạn ý “bình”)

Chúng ta phải làm gì để thực hiện lời dạy của Bác ?

Chúng ta *cần phải* bền bỉ, kiên trì trong mọi công việc, trong học tập cũng như trong công tác.

Là thanh niên trong thời đại Hồ Chí Minh, chúng ta *hãy* noi theo tấm gương bền bỉ kiên trì mà các anh hùng liệt sĩ đã vượt mọi khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ trong chiến tranh gian khổ. Bây giờ trong thời kì đổi mới, chúng ta *cũng phải* kiên trì trong công cuộc xây dựng tổ quốc Việt Nam.

(đây là đoạn ý “luận” với các từ ngữ thích hợp “*cần phải*”, “*hãy*”, “*phải*”).

#### 5. Dạng văn thích hợp với kiểu bài bình giảng

Qua bốn câu thơ ngắn gọn của Bác Hồ, thanh niên chúng ta đã được giáo dục một *tinh thần kiên định, kiên trì, bền bỉ*.

(Đoạn ý tìm ra vấn đề nội dung của kiểu bài bình giảng).

Chủ đề chính của ý thơ là *sự dẻo dai sức mạnh của yếu tố tinh thần con người*. Lòng người một khi đã bền bỉ thì ắt sẽ làm nên tất cả.

Bác Hồ đã thu tóm những ý nghĩa sâu xa của vấn đề “*kiên trì bền bỉ*” vào 4 câu thơ năm chữ mang *dáng vẻ ngữ ngôn tứ tuyệt truyền thống*.

Bác đặt thành thơ bởi vì thông thường nhân dân dễ nhớ lời thơ hơn là những dòng văn xuôi.

Lời thơ được cấu tạo bằng những ý *đối lập* nhau. “Đào núi” và “lấp biển” là những *hình tượng tượng trưng* cho những công việc to lớn khó khăn nhưng ý “quyết chí” và “làm nên” lại được xếp đặt ngay sau các hình tượng đó để làm nổi bật vấn đề cần nói.

*Vần của 4 câu thơ 5 chữ* đã được gieo vào các chữ của vần “ên” bởi ba chữ “bền – biển – nên” tạo thành âm hưởng nhịp nhàng dễ nhớ.

*(Đoạn ý tìm ra những nét nghệ thuật trong kiểu bài bình giảng).*

*Phần năm*  
**MỘT SỐ ĐẦU ĐỀ ĐỂ HỌC SINH  
LUYỆN TẬP - THỰC HÀNH**

**I - CÁCH THỨC LUYỆN TẬP - THỰC HÀNH**

**1. Tìm hiểu đề** các đầu đề có in trong phần tham khảo của sách.  
Ghi rõ các bước để luyện thói quen tốt, bỏ thói xấu cũ.

**2. Làm dàn bài :**

– Viết theo kiểu hàng dọc (HD) vào giấy, theo như sách đã hướng dẫn.

– Viết trình tự HD1... HD2... HD3... HD4 cho quen tay, không được viết quen lối cũ : không làm dàn bài hoặc quên viết theo lối ngang.

**3. Viết nháp đi kèm viết chính thức :**

Hai việc này phải đi kèm cùng nhau như sách đã hướng dẫn.  
Không viết theo lối cũ : không nháp hoặc nháp quá dài rồi mới chịu viết chính thức.

**Lưu ý :** Tác giả sách này muốn đưa ra những đề bài được photocopy nguyên xi nhằm mục đích gây cảm giác ấn tượng đối với học sinh thí sinh để hiểu và tăng thêm ý thức rèn luyện.

## II - CÁC ĐẦU ĐỀ

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

*Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*

-----\*-----

### ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2001

Môn thi : VĂN. KHỐI D

*Thời gian làm bài : 180 phút (Đề gồm 01 trang)*

**Câu 1 (2,0 điểm) :**

Anh (chị) hãy bình giảng đoạn thơ sau đây trong bài thơ *Tây tiến* của Quang Dũng :

*Người đi Châu Mộc chiều sương ấy  
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ  
Có nhớ dáng người trên độc mộc  
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa.*

**Câu 2 (4,0 điểm) :**

Một trong những nét phong cách nghệ thuật của Nguyễn Tuân là nhìn con người ở phương diện tài hoa nghệ sĩ.

Anh (chị) hãy phân tích nhân vật người lái đò trong tùy bút *Người lái đò sông Đà* để làm sáng tỏ nhận định trên.

**Câu 3 (4,0 điểm) :**

Anh (chị) hãy phân tích quá trình diễn biến tâm trạng và hành động của nhân vật Mị trong cảnh đêm hội mùa xuân ở Hồng Ngài (*Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài).

## ĐỀ THI TUYỂN SINH NĂM 1996

Môn thi : VĂN HỌC

*Thời gian làm bài : 180 phút*

**ĐỀ SỐ 1.** *Dành cho các thí sinh thi theo chương trình PTTH chưa phân ban.*

**Câu 1 :** Anh (chị) hãy phân tích vẻ đẹp khác nhau của những bức tranh về mùa thu trong bài thơ *Đất nước* của Nguyễn Đình Thi và tâm trạng của tác giả trong từng hoàn cảnh.

**Câu 2 :** Phân tích nhân vật Huấn Cao trong truyện ngắn *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân. Cần chú ý cảnh ông Huấn Cao “cho chữ” vốn được tác giả xem là “một cảnh tượng xưa nay chưa từng có”.

**ĐỀ SỐ 2.** *Dành cho các thí sinh thi theo chương trình ban Khoa học xã hội (ban C).*

**Câu 1 :** Bình giảng đoạn thơ sau trong bài *Tây tiến* của Quang Dũng :

*Doanh trại bừng lên hội đuốc hoa*

*Kìa em xiêm áo tự bao giờ*

*Khèn lên man điệu nàng e ấp*

*Nhạc về Viên Chăn xây hồn thơ*



*Người đi Châu Mộc chiều sương ấy  
Có thấy hồn lau nẻo bến bờ  
Có nhớ dáng người trên độc mộc  
Trôi dòng nước lũ hoa đong đưa.*

**Câu 2 :** Bi kịch của người trí thức nghèo trong truyện ngắn *Đời thừa* của Nam Cao. (Có thể liên hệ với nhân vật cùng loại trong sáng tác của Nam Cao thời kì trước Cách mạng tháng Tám 1945).

**ĐỀ SỐ 3.** *Dành cho các thí sinh thi theo chương trình ban Khoa học tự nhiên và Kỹ thuật (ban B).*

**Câu 1 :** Bình giảng đoạn thơ sau trong bài *Đáy thôn Vĩ Dạ* của Hàn Mặc Tử :

*Sao anh không về chơi thôn Vĩ ?  
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên  
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc  
Lá trúc che ngang mặt chữ điền ?*

**Câu 2 :** Phân tích nhân vật Hoàng trong truyện *Đôi mắt* của Nam Cao.

---

*Ghi chú :* Cán bộ coi thi không giải thích đề thi.

Đề chính thức

**KÌ THI TỐT NGHIỆP PHỔ THÔNG TRUNG HỌC**

*Tháng 6 - 1997*

Môn thi : LÂM VĂN

*Thời gian làm bài : 150 phút không kể thời gian giao đề*

*Học sinh chọn một trong hai đề*

ĐỀ I.

**Câu 1** (2 điểm) :

Những nét đặc sắc nào trong tiểu sử của nhà văn Xô viết M.A. Sôlôkhốp (1905 – 1984) đã giúp anh (chị) hiểu thêm văn nghiệp của ông ?

**Câu 2** (8 điểm) :

Trong bài *Kính gửi cụ Nguyễn Du*, sáng tác năm 1965, nhà thơ Tố Hữu viết :

*“Tiếng thơ ai động đất trời  
Nghe như non nước vọng lời nghìn thu  
Ngàn năm sau nhớ Nguyễn Du  
Tiếng thương như tiếng mẹ ru những ngày  
Hồi Người xưa của ta nay  
Khúc vui xin lại so dây cùng Người !”*

(Theo Văn 12 - Phần Văn học Việt Nam,  
Nxb Giáo dục, 1994, trang 153 - 154)

## ĐỀ II (10 điểm)

Qua việc trình bày sự biến đổi của số phận và tâm lí nhân vật Đào trong truyện ngắn *Mùa lạc*, anh (chị) hãy làm rõ cảm hứng chủ đạo của Nguyễn Khải ở thiên truyện này : cảm hứng về sự hồi sinh của cuộc sống sau chiến tranh.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

*Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*

-----\*-----

**Đề chính thức**

### **KÌ THI TỐT NGHIỆP PHỔ THÔNG TRUNG HỌC NĂM HỌC 1994 - 1995**

Môn thi : LÂM VĂN

*Thời gian làm bài : 180 phút, không kể thời gian giao đề*

***Học sinh chọn một trong hai đề***

#### ĐỀ I.

Anh (chị) hãy phân tích đoạn thơ sau đây trong bài *Đất nước* của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm :

*Sáng mát trong như sáng năm xưa*

*Gió thổi mùa thu hương cốm mới*

*Tôi nhớ những ngày thu đã xa*

*Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội  
Những phố dài xao xác hơi may  
Người ra đi đầu không ngoảnh lại  
Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy.*

*Mùa thu nay đã khác rồi  
Tôi đứng vui nghe giữa núi đồi  
Gió thổi rừng tre phấp phới  
Trời thu thay áo mới  
Trong biếc nói cười thiết tha.*

*Trời xanh đây là của chúng ta  
Núi rừng đây là của chúng ta  
Những cánh đồng thơm mát  
Những ngả đường bát ngát  
Những dòng sông đỏ nặng phù sa  
Nước chúng ta  
Nước những người chưa bao giờ khuất  
Đêm đêm rì rầm trong tiếng đất  
Những buổi ngày xưa vọng nói về.*

(Theo Văn 12, Nxb Giáo dục, 1995, tr. 84-85)

## ĐỀ II.

### Câu 1 (2 điểm) :

Anh (chị) hãy tóm tắt truyện ngắn *Số phận con người* của nhà văn M. Sôlôkhốp (viết không quá một trang), hoặc chép lại một

đoạn 8 câu thơ trong bài *Enxa ngồi trước gương* của nhà thơ L.Aragông (theo bản dịch nghĩa hoặc bản dịch thơ in ở sách giáo khoa).

**Câu 2 (8 điểm) :**

Phân tích hình tượng nhân vật Nguyệt trong truyện ngắn *Mảnh trăng cuối rừng* của nhà văn Nguyễn Minh Châu.

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

-----\*

**ĐỀ THI TUYỂN SINH ĐẠI HỌC - 2001**

**MÔN VĂN**

*Thời gian làm bài : 180 phút*

*(Không kể thời gian giao đề)*

*Đề gồm 1 trang*

**Câu 1 (4 điểm) :**

Giá trị tư tưởng và nghệ thuật của đoạn văn tả cảnh ông Huấn Cao cho chữ người quản ngục trong nhà giam (truyện *Chữ người tử tù* của Nguyễn Tuân). Vì sao tác giả cho đó là “*một cảnh tượng xưa nay chưa từng có*” ?

**Câu 2 (3 điểm) :**

Phân tích nhân vật A Phủ trong truyện *Vợ chồng A Phủ* của Tô Hoài.

**Câu 3 (3 điểm) :**

Bình giảng đoạn thơ sau trong bài thơ *Sóng* của Xuân Quỳnh :

*Cuộc đời tuy dài thế  
Năm tháng vẫn qua đi  
Như biển kia dẫu rộng  
Mây vẫn bay về xa.*

*Làm sao được tan ra  
Thành trăm con sóng nhỏ  
Giữa biển lớn tình yêu  
Để ngàn năm còn vỗ.*

---

*Ghi chú :* – Thí sinh làm câu nào trước cũng được.

– Cán bộ coi thi không được giải thích gì thêm.

HỘI GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

-----\*

**ĐỀ THI TỐT NGHIỆP PHỔ THÔNG  
TRUNG HỌC NĂM HỌC 1993 - 1994**

Môn thi : LÀM VĂN

**Đề chính thức**

(180 phút, không kể thời gian giao đề)

*Học sinh chọn một trong hai đề.*

**ĐỀ I**

**Câu 1 (2 điểm) :**

Nêu ngắn gọn hoàn cảnh sáng tác bài thơ *Bên kia sông Đuống* của Hoàng Cầm và chép lại một đoạn ít nhất 10 câu thơ trong bài này.

**Câu 2 (8 điểm) :**

Phân tích nội dung đa kích giàu tính chiến đấu và bút pháp nghệ thuật đặc sắc của truyện ngắn *Vi hành* (Nguyễn Ái Quốc).

**ĐỀ II.**

**Câu 1 (2 điểm) :**

Tóm tắt (không quá một trang) tác phẩm *Ông già và biển cả* của nhà văn Hêminguây.

**Câu 2 (8 điểm) :**

Phân tích đoạn thơ sau đây trong bài *Tiếng hát con tàu* của Chế Lan Viên :

*Con gặp lại nhân dân như nai về suối cũ  
Cỏ đón giêng hai, chim én gặp mùa  
Như đứa trẻ thơ đói lòng gặp sữa  
Chiếc nôi ngừng bỗng gặp cánh tay đưa.*

*Con nhớ anh con, người anh du kích  
Chiếc áo nâu anh mặc đêm công đồn  
Chiếc áo nâu, suốt đời vá rách  
Đêm cuối cùng anh cởi lại cho con.*

*Con nhớ em con, thằng em liên lạc  
Rừng thưa em băng, rừng rậm em chờ  
Sáng bản nam, chiều em qua bản bắc  
Mười năm tròn ! Chưa mất một phong thư.*



*Con nhớ mẹ ! Lửa hồng soi tóc bạc  
Năm con đau, mẹ thức suốt một mùa dài  
Con với mẹ không phải hòn máu cắt  
Nhưng trọn đời con nhớ mãi ơn nuôi.*

*Nhớ bản sương giăng, nhớ đèo mây phủ  
Nơi nào qua, lòng lại chẳng yêu thương ?  
Khi ta ở, chỉ là nơi đất ở  
Khi ta đi, đất bỗng hoá tâm hồn !*

(Theo Văn 12 - NXB Giáo dục 1994,  
tr. 117 - 118).

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

-----\*

**THI TỐT NGHIỆP PHỔ THÔNG  
TRUNG HỌC NĂM HỌC 1993 - 1994**

**HƯỚNG DẪN CHẤM MÔN : LÀM VĂN**

### **Đề chính thức**

Bộ yêu cầu các ông (bà) giám khảo lưu ý những điểm sau đây :

1. Nắm vững bản chất yêu cầu ở *Hướng dẫn chấm* để đánh giá tổng quát bài làm của học sinh. Chấm kĩ lưỡng và thận trọng. Đặc biệt khuyến khích những bài có sáng tạo.

2. Tuyệt đối không hạ thấp yêu cầu của biểu điểm. Không chỉ yêu cầu về nội dung, mà hết sức lưu ý đến năng lực diễn đạt của học sinh. Những bài diễn đạt quá kém không cho tới điểm trung bình.

3. Chấm riêng từng câu, từng phần. Đối với mỗi câu, mỗi phần có thể cho 0,5 ; 1 ; 1,5. Sau đó, xem xét tương quan giữa các câu để cho điểm toàn bài 1, 2, 3, ...

## ĐỀ I.

### Câu 1 (2 điểm) :

1. Nêu đúng hoàn cảnh sáng tác bài thơ *Bên kia sông Đuống* của Hoàng Cầm và diễn đạt tương đối tốt.

Một đêm tháng 4 năm 1948, khi đang công tác ở Việt Bắc, được trực tiếp nghe kể về quê hương mình (ở bờ nam sông Đuống) trong những ngày giặc Pháp đánh chiếm, tác giả xúc động viết bài thơ này. (1 điểm)

2. Chép lại chính xác ít nhất là 10 câu thơ (dòng) liên nhau trong bài thơ này. (1 điểm)

*Lưu ý* : Nếu chép được chính xác một đoạn liên nhau từ 5 đến 9 câu thì cho 0,5 điểm. (Riêng trường hợp chép được 9 câu, đoạn từ : “*Ai về bên kia sông Đuống*” đến “*Chuông chùa vắng vắng hay người ở đâu*” thì cho 1 điểm). Nếu chép được dưới 5 câu thì không cho điểm.

### Câu 2 (8 điểm) :

**A. Yêu cầu chung** : Nắm được truyện ngắn *Vi hành* của Nguyễn Ái Quốc, biết cách phân tích để làm rõ : nội dung đả kích giàu tính chiến đấu và bút pháp nghệ thuật đặc sắc của tác phẩm này.

#### **B. Yêu cầu cụ thể** :

1. *Nội dung đả kích giàu tính chiến đấu* :

1.1. Vạch trần chân tướng bỉ ổi của tên vua Khải Định (từ bộ dạng lỗ bịch, thói xa hoa đáng điểm, đến bản chất bù nhìn... của y).

1.2. Lật tẩy âm mưu bịp bợm của bọn thực dân trong việc đưa Khải Định sang Pháp và dả kích việc chúng kiểm soát gắt gao những người Việt Nam yêu nước trên đất Pháp.

## 2. *Nghệ thuật đặc sắc*

Việc tạo tình huống nhầm lẫn (nhầm tác giả với Khải Định đi “vi hành”), dùng hình thức viết thư (cho cô em họ)... bằng một bút pháp trào phúng, châm biếm đa dạng, linh hoạt.

### *C. Tiêu chuẩn cho điểm*

Điểm 8 :

- Đáp ứng được những yêu cầu nêu trên.
- Kết cấu chặt chẽ, hợp lí. Diễn đạt tốt. Văn viết giàu cảm xúc. Có thể mắc một vài sai sót không đáng kể.

Điểm 6 :

- Đáp ứng phần lớn những yêu cầu nêu trên
- Kết cấu rõ. Diễn đạt tương đối tốt. Có thể mắc một số ít lỗi diễn đạt.

Điểm 4 :

- Hiểu được trên đại thể nội dung chính và giá trị nghệ thuật của tác phẩm. Tuy nhiên còn nặng về phân tích nội dung mà chưa nêu được đặc sắc của bút pháp nghệ thuật, hoặc chỉ nêu được một số ý ở phần 1 và một số ý ở phần 2 (mục B).
- Nhìn chung diễn đạt được ý, nhưng còn lúng túng. Không mắc nhiều lỗi diễn đạt.

Điểm 2 :

- Chưa hiểu được tác phẩm.
- Diễn đạt quá kém.

## ĐỀ II.

### Câu 1 (2 điểm)

Cần nêu được những ý chính sau đây trong tác phẩm *Ông già và biển cả* của nhà văn Hêminguây (có thể viết là Hêminuê) và diễn đạt tương đối tốt.

1. Ông già Xan chia gô (có thể viết là Xantiagô) thường đánh cá ở vùng nhiệt lưu, nhưng đã lâu, không kiếm được con cá nào. Đêm ngủ, ông mơ về thời trai trẻ. Thả mồi, ông “đối thoại” với chim trời cá biển.

2. Thế rồi, có một con cá lớn tính khí lại kì cục mắc mồi. Đây là một con cá kiếm, ông hằng mơ ước. Sau cuộc vật lộn căng thẳng nguy hiểm, ông mới giết được nó.

3. Lúc ông già quay vào bờ từng đàn cá mập hung dữ đuổi theo, rĩa thịt con cá kiếm. Ông phải đơn độc chiến đấu, đến kiệt sức với lũ cá mập. Tuy vậy, ông vẫn nghĩ “không một ai cô đơn nơi biển cả”.

Khi ông già mệt mỏi đã rời vào đến bờ, thì con cá kiếm chỉ còn tro bộ xương.

(Lưu ý : Học sinh có thể tóm tắt theo nhiều cách khác nhau, nhưng cần nắm được nội dung tác phẩm. Chỉ cho điểm tối đa khi đủ ý, diễn đạt tương đối tốt và tóm tắt không quá một trang).

### Câu 2 (8 điểm)

**A. Yêu cầu chung :** Biết phân tích thơ theo đúng đặc trưng thể loại để làm rõ giá trị đặc sắc của đoạn thơ này ở cả phương diện nội dung lẫn nghệ thuật.

### ***B. Yêu cầu cụ thể :***

Học sinh có thể trình bày cảm thụ theo nhiều cách, nhưng cần nêu được :

#### ***1. Về nội dung :***

- 1.1. Khát vọng trở về với nhân dân như về với ngọn nguồn đời sống.
- 1.2. Nỗi nhớ và lòng biết ơn của nhà thơ về những hi sinh thầm lặng lớn lao của nhân dân.
- 1.3. Nỗi nhớ và sự gắn bó thiết tha của tác giả đối với đất nước.

#### ***2. Về nghệ thuật :***

Các thủ pháp xây dựng hình ảnh, lối so sánh, biện pháp trùng điệp, giọng điệu thiết tha, chân thành và cách khái quát giàu tính triết lí...

### ***C. Tiêu chuẩn cho điểm***

#### **Điểm 8 :**

- Đáp ứng được những yêu cầu nêu trên. Phân tích tinh tế. Văn viết giàu cảm xúc.
- Kết cấu chặt chẽ, hợp lí. Diễn đạt tốt. Có thể mắc một vài sai sót không đáng kể.

#### **Điểm 6 :**

- Đáp ứng phần lớn những yêu cầu nêu trên
- Kết cấu rõ. Diễn đạt tương đối tốt. Có thể mắc một số ít lỗi diễn đạt.

Điểm 4 :

- Còn nặng về phân tích nội dung mà chưa nêu được đặc sắc nghệ thuật hoặc bài làm còn sơ sài. Nhưng nhìn chung, không hiểu sai ý của bài thơ.
- Diễn đạt được ý. Không mắc nhiều lỗi diễn đạt.

Điểm 2 :

- Hiểu sai nội dung đoạn thơ, không biết cách phân tích.
- Diễn đạt quá kém.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HOÁ**  
**HÀ NỘI**  
---\*---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
*Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*  
-----\*-----

## **ĐỀ THI TUYỂN SINH NĂM 2001**

Môn thi : VĂN - KHỐI C, D, N

*Thời gian làm bài : 180 phút*

### **Câu II (5 điểm)**

Phân tích bài thơ *Chiều tối* trong *Nhật kí trong tù* của Hồ Chí Minh, từ đó làm rõ vẻ đẹp tâm hồn của nhà thơ.

*Chim mỏi về rừng tìm chốn ngủ,  
Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không ;*

*Cô em xóm núi xay ngô tối,  
Xay hết, lò than đã rực hồng.*

(Nam Trân dịch)

**Câu II (5 điểm)**

Phân tích diễn biến tâm trạng và hành động của Chí Phèo (trong truyện ngắn cùng tên của Nam Cao) từ khi gặp Thị Nở cho tới khi kết thúc cuộc đời.

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

*Độc lập - Tự do - Hạnh phúc*

-----\*

**Đề chính thức**

**KÌ THI TỐT NGHIỆP PHỔ THÔNG TRUNG HỌC  
NĂM HỌC 1995 - 1996**

**Môn thi : LÀM VĂN**

*Thời gian làm bài : 180 phút, không kể thời gian giao đề*

***Học sinh chọn một trong hai đề***

**ĐỀ I.**

**Câu 1 (2 điểm) :**

Anh (chị) hãy trình bày ngắn gọn những hiểu biết về cuộc đời và sự nghiệp văn học của M. Gorki.



**Câu 2 (8 điểm) :**

**Mới ra tù, tập leo núi**

Hồ Chí Minh

*Núi áp ôm mây, mây áp núi  
Lòng sông gương sáng, bụi không mờ  
Bồi hồi dạo bước Tây Phong Lĩnh  
Trông lại trời nam, nhớ bạn xưa.*

(Bản dịch của Viện Văn học, in trong *Văn học 12*,  
phần VHVN - Nxb Giáo dục, 1995, tr. 22)

Anh (chị) hãy phân tích bài thơ trên.

**ĐỀ II (10 điểm)**

Anh (chị) hãy phân tích hình ảnh con người Việt Nam thời chống  
Mĩ qua hai tác phẩm *Rừng xà nu* của Nguyễn Trung Thành và  
*Những đứa con trong gia đình* của Nguyễn Thi.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

-----\*-----

**KÌ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC  
PHỔ THÔNG NĂM HỌC 2001 - 2002**

**MÔN THI : LÀM VĂN**

*Thời gian làm bài : 180 phút*

*không kể thời gian giao lễ*

**Đề chính thức**

***Học sinh chọn một trong hai đề***

**ĐỀ 1**

**Câu 1 (2 điểm) :**

Theo anh hoặc chị, Linxà Toriôlê đã có vai trò như thế nào trong cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của nhà thơ, nhà tiểu thuyết Pháp Lui Aragông ?

**Câu 2 (8 điểm) :**

Anh hoặc chị hãy phân tích cách nhìn người nông dân của hai nhân vật Hoàng và Độ trong truyện ngắn *Đôi mắt* của nhà văn Nam Cao. Từ đó, nêu bật ý nghĩa tư tưởng của tác phẩm này.

**ĐỀ 2**

**Câu 1 (2 điểm) :**

Theo anh hoặc chị, hoàn cảnh ra đời bài thơ *Tây tiến* của Quang Dũng có những điểm gì đáng lưu ý, giúp người đọc hiểu thêm về tác phẩm này ?

**Câu 2 (2 điểm) :**

Anh hoặc chị hãy trình bày *sơ lược* những đặc điểm của con người nhà văn Nguyễn Tuân.

**Câu 3 (6 điểm) :**

Anh hoặc chị hãy phân tích đoạn thơ sau đây trích trong bài *Việt Bắc* của nhà thơ Tố Hữu :

*Nhớ gì như nhớ người yêu*

*Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương*

*Nhớ từng bản khói cùng sương*

*Sớm khuya bếp lửa người thương đi về.*

Nhớ từng rừng nứa bờ tre  
Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê vơi đầy.  
Ta đi ta nhớ những ngày  
Mình đây ta đó, đắng cay ngọt bùi...

Thương nhau chia củ sắn lùi  
Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng.  
Nhớ người mẹ nắng cháy lưng  
Địu con lên rẫy, bẻ từng bắp ngô.

(Theo Văn học 12, tập I, phần VHVN,  
Nxb Giáo dục, 2001, tr. 155)

## MỤC LỤC

Trang

|             |   |
|-------------|---|
| Lời nói đầu | 3 |
|-------------|---|

### *Phần một*

#### CÁC KIỂU BÀI TẬP LÀM VĂN NGHỊ LUẬN

|                       |   |
|-----------------------|---|
| - Đại cương           | 5 |
| - Các kiểu bài cụ thể | 6 |

### *Phần hai*

#### INĂM VIỆC PHẢI LÀM

|   |    |
|---|----|
| - <i>Giải thích chung</i>                               | 15 |
| - <i>Việc thứ nhất</i> : Tìm hiểu đề (7 bước) – Bài tập | 17 |
| - <i>Việc thứ hai</i> : Làm dàn bài – dàn ý             | 38 |
| ▪ Tầm quan trọng  | 38 |
| ▪ Cơ sở để làm dàn bài - dàn ý                          | 49 |
| ▪ Cách làm dàn bài - dàn ý                              | 50 |
| ▪ Dàn bài đại quát với từng kiểu bài                    | 58 |
| - <i>Việc thứ ba</i> : Nháp                             | 69 |
| ▪ Tầm quan trọng  | 69 |
| ▪ Cách viết nháp  | 69 |
| - <i>Việc thứ tư</i> : Chép chính thức vào bài thi      | 73 |
| ▪ Tầm quan trọng  | 73 |
| ▪ Cách viết chính thức                                  | 73 |
| - <i>Việc thứ năm</i> : Đọc lại bài – Tự kiểm tra       | 78 |

### ***Phần ba***

#### **BÀI TẬP THỰC HÀNH**

- Cho việc tìm hiểu đề và làm dàn bài - dàn ý 80
- Cho việc nháp và viết chính thức 97

### ***Phần bốn***

#### **CÁC DẠNG VĂN THÍCH HỢP HAY DÙNG VỚI TỪNG KIỂU BÀI**

- Các chữ thích hợp hay dùng với từng kiểu bài 109
- Các dạng văn tổng quát thích hợp cho các kiểu bài 117

### ***Phần năm***

#### **MỘT SỐ ĐẦU ĐỀ ĐỂ HỌC SINH LUYỆN TẬP THỰC HÀNH**

- (9 đầu đề) 121

*Chịu trách nhiệm xuất bản*

*Giám đốc :* NGUYỄN VĂN THỎA

*Tổng biên tập :* NGUYỄN THIỆN GIÁP

*Biên tập và sửa bản in:* PHẠM VĂN AN

ĐINH XUÂN ANH

*Trình bày bìa :* NGỌC ANH

---

## **CÁCH LÀM BÀI TẬP LÀM VĂN NGHỊ LUẬN**

Mã số: 02.220.ĐI 2002

In 1500 cuốn, khổ 14,5 × 20,5 tại Xưởng in Tuần Báo Văn Nghệ  
TP.HCM. Số xuất bản: 145/170/CXB. Số trích ngang: 346KH/XB

In xong và nộp lưu chiểu tháng 1 năm 2003.